

BẢNG GIÁ DỊCH VỤ KỸ THUẬT TẠI BỆNH VIỆN YHCT NGUYỄN PHÚC

Mã dịch vụ	Tên dịch vụ	Đơn vị tính	Giá BHYT	Giá Yêu Cầu
DV00000001	Khám y học cổ truyền	Lần	39,800	39,800
DV00000002	Khám Y học cổ truyền DV	Lần	-	150,000
DV00000003	Khám Y học cổ truyền DV (khám CK lần 2 trong ngày)	Lần	-	75,000
DV00000004	Khám Phục hồi chức năng	Lần	39,800	150,000
DV00000005	Khám Phục hồi chức năng DV	Lần	-	150,000
DV00000006	Khám Phục hồi chức năng DV (khám CK lần 2 trong ngày)	Lần	-	75,000
DV00000007	Khám Nội Tổng hợp	Lần	39,800	39,800
DV00000008	Khám Nội DV	Lần	-	150,000
DV00000009	Khám Nội (Khoa HSCC) DV	Lần	-	100,000
DV00000010	Khám Nội DV (khám CK lần 2 trong ngày)	Lần	-	75,000
DV00000011	Khám Tai mũi họng	Lần	39,800	99,800
DV00000012	Khám Tai mũi họng DV	Lần	-	150,000
DV00000013	Khám Tai mũi họng DV (khám CK lần 2 trong ngày)	Lần	-	75,000
DV00000014	Khám chuyên gia (Ban giám đốc)	Lần	-	250,000
DV00000015	Khám chuyên gia (Ban giám đốc) (khám CK lần 2 trong ngày)	Lần	-	125,000
KB001	Khám 0đ	Lần	-	-
DV00000105	Xét nghiệm đường máu mao mạch tại giường (một lần)	Lần	16,000	16,000
DV00000258	Xét nghiệm đường máu mao mạch tại giường	Lần	16,000	16,000
DV00001582	Định lượng Acid Uric [Máu]	Lần	22,400	69,056
DV00001583	Định lượng Albumin [Máu]	Lần	22,400	63,856
DV00001584	Đo hoạt độ ALP (Alkaline Phosphatase) [Máu]	Lần	22,400	63,856
DV00001585	Đo hoạt độ Amylase [Máu]	Lần	22,400	63,856
DV00001586	Đo hoạt độ ALT (GPT) [Máu]	Lần	22,400	52,942
DV00001587	Đo hoạt độ AST (GOT) [Máu]	Lần	22,400	52,942
DV00001589	Định lượng Bilirubin trực tiếp [Máu]	Lần	22,400	52,942
DV00001590	Định lượng Bilirubin gián tiếp	Lần	-	52,942
DV00001591	Định lượng Bilirubin toàn phần [Máu]	Lần	22,400	52,942
DV00001592	Định lượng Canxi toàn phần [Máu]	Lần	13,400	63,856
DV00001593	Định lượng Canxi ion hóa [Máu]	Lần	16,800	64,272
DV00001594	Định lượng Cholesterol toàn phần (máu)	Lần	28,000	52,530
DV00001595	Đo hoạt độ CK (Creatine kinase) [Máu]	Lần	28,000	74,880
DV00001596	Đo hoạt độ CK-MB ((Isozym MB of Creatine kinase) [Máu]	Lần	39,200	128,128
DV00001597	Định lượng Creatinin (máu)	Lần	22,400	52,942
DV00001598	Điện giải đồ (Na, K, Cl) [Máu]	Lần	30,200	73,336
DV00001599	Định lượng Glucose [Máu]	Lần	22,400	52,942
DV00001600	Đo hoạt độ GGT (Gamma Glutamyl Transferase) [Máu]	Lần	20,000	64,480
DV00001601	Định lượng HbA1c	Lần	-	180,559
DV00001602	Định lượng HDL-C (High density lipoprotein Cholesterol) [Máu]	Lần	28,000	63,860
DV00001603	Định lượng LDL - C (Low density lipoprotein Cholesterol) [Máu]	Lần	28,000	63,860
DV00001604	Định lượng Protein toàn phần [Máu]	Lần	22,400	52,942
DV00001605	Định lượng RF (Rheumatoid Factor) [Máu]	Lần	39,200	150,000
DV00001606	Định lượng Sắt [Máu]	Lần	33,600	63,448
DV00001607	Định lượng Triglycerid (máu) [Máu]	Lần	28,000	74,880
DV00001608	Định lượng Urê máu [Máu]	Lần	22,400	63,856
DV00001609	Định tính beta hCG (test nhanh)	Lần	-	60,000
DV00001610	Định tính Morphin (test nhanh)	Lần	-	105,884
DV00001611	Định tính Codein (test nhanh)	Lần	-	105,884

DV00001612	Định tính Heroin (test nhanh)	Lần	-	60,000
DV00001614	Định lượng CRP	Lần	56,100	160,264
DV00001615	Phản ứng CRP	Lần	-	52,942
TTHDV001913	Định lượng CRP hs (C-Reactive Protein high sensitivity) [Máu] (gửi mẫu)	Lần	-	137,093
TTHDV001914	Định lượng Ferritin [Máu] (gửi mẫu)	Lần	-	142,243
TTHDV001916	Định lượng Lactat (Acid Lactic) [Máu] (gửi mẫu)	Lần	-	315,000
TTHDV001921	Định lượng sắt huyết thanh (gửi mẫu)	Lần	-	84,048
TTHDV001935	Phản ứng Rivalta [dịch] (gửi mẫu)	Lần	-	75,390
DV00001565	Thời gian thrombin (TT: Thrombin Time) phương pháp thủ công	Lần	-	52,520
DV00001566	Định lượng Fibrinogen (Tên khác: Định lượng yếu tố I), phương pháp gián tiếp, bằng máy tự động	Lần	-	107,944
DV00001567	Định lượng Fibrinogen (Tên khác: Định lượng yếu tố I), phương pháp gián tiếp, bằng máy bán tự động	Lần	-	107,944
DV00001568	Định lượng Fibrinogen (Tên khác: Định lượng yếu tố I), phương pháp Clauss- phương pháp trực tiếp, bằng máy tự động	Lần	-	173,349
DV00001569	Định lượng Fibrinogen (Tên khác: Định lượng yếu tố I), phương pháp Clauss- phương pháp trực tiếp, bằng máy bán tự động	Lần	-	160,000
DV00001570	Thời gian máu chảy phương pháp Duke	Lần	13,600	32,548
DV00001571	Thời gian máu chảy phương pháp Ivy	Lần	52,100	86,623
DV00001572	Co cục máu đông (Tên khác: Co cục máu)	Lần	16,000	31,930
DV00001574	Định lượng D-Dimer	Lần	272,900	614,807
DV00001575	Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi (bằng máy đếm laser)	Lần	49,700	86,211
DV00001576	Máu lắng (bằng phương pháp thủ công)	Lần	24,800	64,684
DV00001577	Định nhóm máu hệ ABO (Kỹ thuật phiên đá)	Lần	-	75,293
DV00001578	Định nhóm máu hệ ABO (Kỹ thuật trên giấy)	Lần	-	75,293
DV00001579	Định nhóm máu hệ ABO (Kỹ thuật trên thẻ)	Lần	-	75,396
DV00001580	Định nhóm máu hệ Rh(D) (Kỹ thuật ống nghiệm)	Lần	-	75,705
DV00001581	Định nhóm máu hệ Rh(D) (Kỹ thuật phiên đá)	Lần	-	75,705
TTHDV001854	Thời gian prothrombin (PT: Prothrombin Time), (Các tên khác: TQ; Tỷ lệ Prothrombin) bằng máy tự động (gửi mẫu)	Lần	-	107,532
TTHDV001855	Thời gian thromboplastin một phần hoạt hóa (APTT: Activated Partial Thromboplastin Time), (Tên khác: TCK) bằng máy tự động (gửi mẫu)	Lần	-	97,335
DV00001613	Tổng phân tích nước tiểu (Bằng máy tự động)	Lần	28,600	63,448
DV00001616	Vi khuẩn nhuộm soi	Lần	74,200	108,356
DV00001617	Vi khuẩn test nhanh	Lần	261,000	350,200
DV00001618	Helicobacter pylori Ag test nhanh	Lần	171,100	218,463
DV00001619	Helicobacter pylori Ab test nhanh	Lần	-	202,800
DV00001620	Virus test nhanh	Lần	261,000	261,000
DV00001621	HBsAg test nhanh	Lần	-	108,768
DV00001622	HBsAb test nhanh	Lần	-	108,356
DV00001623	HBcAb test nhanh	Lần	-	108,356
DV00001624	HBeAg test nhanh	Lần	-	108,356
DV00001625	HBeAb test nhanh	Lần	-	108,356
DV00001626	HCV Ab test nhanh	Lần	-	108,768
DV00001627	HAV Ab test nhanh	Lần	-	273,465
DV00001628	HEV IgM test nhanh	Lần	-	273,465
DV00001629	HIV Ab test nhanh	Lần	-	108,768
DV00001630	HIV Ag/Ab test nhanh	Lần	-	164,079
DV00001631	Dengue virus NS1Ag test nhanh	Lần	142,500	217,845
DV00001632	Dengue virus NS1Ag/IgM-IgG test nhanh	Lần	142,500	206,000
DV00001633	EV71 IgM/IgG test nhanh	Lần	125,000	163,770
DV00001634	Influenza virus A, B test nhanh	Lần	185,700	219,081
DV00001635	Rotavirus test nhanh	Lần	194,700	251,011
DV00001636	Rubella virus Ab test nhanh	Lần	163,600	218,978
DV00001637	Trichomonas vaginalis soi tươi	Lần	45,500	75,705

DV00001638	Vi nấm soi tươi	Lần	45,500	75,705
DV00001639	Vi nấm test nhanh	Lần	261,000	350,200
DV00001640	Vi nấm nhuộm soi	Lần	45,500	75,705
TTHDV001899	AFB trực tiếp nhuộm Ziehl-Neelsen (gửi mẫu)	Lần	-	162,946
TTHDV001929	HBV đo tải lượng Real-time PCR (gửi mẫu)	Lần	-	863,861
DV00001588	Định lượng bhCG (Beta human Chorionic Gonadotropins)	Lần	-	163,700
TTHDV001905	Định lượng AFP (Alpha Fetoproteine) [Máu] (gửi mẫu)	Lần	-	243,389
TTHDV001906	Định lượng BNP (B- Type Natriuretic Peptide) [Máu] (gửi mẫu)	Lần	-	834,403
TTHDV001907	Định lượng CA 15 - 3 (Cancer Antigen 15- 3) [Máu] (gửi mẫu)	Lần	-	264,916
TTHDV001908	Định lượng CA 19 - 9 (Carbohydrate Antigen 19-9) [Máu] (gửi mẫu)	Lần	-	212,386
TTHDV001909	Định lượng CA 72 - 4 (Cancer Antigen 72- 4) [Máu] (gửi mẫu)	Lần	-	212,386
TTHDV001910	Định lượng CA ¹²⁵ (cancer antigen 125) [Máu] (gửi mẫu)	Lần	-	212,386
TTHDV001911	Định lượng CEA (Carcino Embryonic Antigen) [Máu] (gửi mẫu)	Lần	-	168,611
TTHDV001912	Định lượng cortisol máu/ (7h-10h)/(16h-20h) (medlatec) (gửi mẫu)	Lần	-	169,229
TTHDV001915	Định lượng FT4 (Free Thyroxine) [Máu] (gửi mẫu)	Lần	-	126,999
TTHDV001917	Định lượng Peptid - C (gửi mẫu)	Lần	-	342,269
TTHDV001918	Định lượng proBNP (NT-proBNP) [Máu] (gửi mẫu)	Lần	-	686,701
TTHDV001919	Định lượng Pro-calcitonin [Máu] (gửi mẫu)	Lần	-	522,931
TTHDV001920	Định lượng PSA toàn phần (Total prostate-Specific Antigen) [Máu] (gửi mẫu)	Lần	-	211,459
TTHDV001922	Định lượng T3 (Tri iodothyronine) [Máu] (gửi mẫu)	Lần	-	105,369
TTHDV001923	Định lượng Tg (Thyroglobulin) [Máu] (gửi mẫu)	Lần	-	331,969
TTHDV001924	Định lượng Troponin T [Máu] (gửi mẫu)	Lần	-	190,035
TTHDV001925	Định lượng Troponin Ths [Máu] (gửi mẫu)	Lần	-	190,035
TTHDV001926	Định lượng TSH (Thyroid Stimulating hormone) [Máu] (gửi mẫu)	Lần	-	105,781
DV00001495	Chụp X-quang sọ thẳng/nghe nghiêng > 24x30 cm, 2 tư thế	Lần	77,300	110,519
DV00001496	Chụp Xquang mặt thẳng nghe nghiêng	Lần	-	110,519
DV00001497	Chụp Xquang mặt thấp hoặc mặt cao	Lần	-	110,519
DV00001498	Chụp Xquang sọ tiếp tuyến	Lần	-	110,519
DV00001499	Chụp Xquang hốc mắt thẳng nghe nghiêng	Lần	105,300	163,049
DV00001500	Chụp X-quang Blondeau [số hóa 1 phim]	Lần	73,300	110,519
DV00001501	Chụp Xquang Hirtz	Lần	73,300	110,519
DV00001502	Chụp Xquang hàm chéch một bên	Lần	73,300	110,519
DV00001503	Chụp Xquang xương chính mũi nghe nghiêng hoặc tiếp tuyến	Lần	73,300	110,519
DV00001504	Chụp Xquang hố yên thẳng hoặc nghe nghiêng	Lần	73,300	110,519
DV00001505	Chụp Xquang Chausse III	Lần	73,300	110,519
DV00001506	Chụp Xquang Schuller	Lần	73,300	110,519
DV00001507	Chụp Xquang khớp thái dương hàm	Lần	73,300	110,519
DV00001508	Chụp Xquang răng cận chóp (Periapical)	Lần	-	59,384
DV00001509	Chụp Xquang răng cánh cắn (Bite wing)	Lần	-	110,519
DV00001510	Chụp Xquang phim cắn (Occlusal)	Lần	-	110,519
DV00001511	Chụp Xquang mỏm trâm	Lần	73,300	110,519
DV00001512	Chụp Xquang cột sống cổ thẳng nghe nghiêng	Lần	105,300	163,049
DV00001513	Chụp Xquang cột sống cổ chéch hai bên	Lần	105,300	163,049
DV00001514	Chụp Xquang cột sống cổ động, nghe nghiêng 3 tư thế	Lần	130,300	214,549
DV00001515	Chụp Xquang cột sống cổ C1-C2	Lần	58,300	100,000
DV00001516	Chụp Xquang cột sống ngực thẳng nghe nghiêng hoặc chéch	Lần	105,300	163,049
DV00001517	Chụp Xquang cột sống thắt lưng thẳng nghe nghiêng	Lần	105,300	300,000
DV00001518	Chụp Xquang cột sống thắt lưng chéch hai bên	Lần	105,300	163,049
DV00001519	Chụp Xquang cột sống thắt lưng L5-S1 thẳng nghe nghiêng	Lần	105,300	163,049
DV00001520	Chụp Xquang cột sống thắt lưng động, gấp ưỡn	Lần	105,300	163,049
DV00001521	Chụp Xquang cột sống thắt lưng De Sèze	Lần	-	110,519
DV00001522	Chụp Xquang cột sống cùng cụt thẳng nghe nghiêng	Lần	105,300	163,049
DV00001523	Chụp Xquang khớp cùng chậu thẳng chéch hai bên	Lần	130,300	214,549
DV00001524	Chụp Xquang khung chậu thẳng	Lần	64,300	111,549
DV00001525	Chụp Xquang xương đòn thẳng hoặc chéch	Lần	73,300	110,519
DV00001526	Chụp Xquang khớp vai thẳng	Lần	73,300	200,000

DV00001527	Chụp Xquang khớp vai nghiêng hoặc chếch	Lần	73,300	110,519
DV00001528	Chụp Xquang xương bả vai thẳng nghiêng	Lần	105,300	163,049
DV00001529	Chụp Xquang xương cánh tay thẳng nghiêng	Lần	105,300	163,049
DV00001530	Chụp Xquang khớp khuỷu thẳng, nghiêng hoặc chếch	Lần	105,300	163,049
DV00001531	Chụp Xquang khớp khuỷu gấp (Jones hoặc Coyle)	Lần	64,300	111,549
DV00001532	Chụp Xquang xương cẳng tay thẳng nghiêng	Lần	105,300	163,049
DV00001533	Chụp Xquang xương cổ tay thẳng, nghiêng hoặc chếch	Lần	77,300	110,519
DV00001534	Chụp Xquang xương bàn ngón tay thẳng, nghiêng hoặc chếch	Lần	77,300	110,519
DV00001535	Chụp Xquang khớp háng thẳng hai bên	Lần	64,300	111,549
DV00001536	Chụp Xquang khớp háng nghiêng	Lần	64,300	111,549
DV00001537	Chụp Xquang xương đùi thẳng nghiêng	Lần	77,300	110,519
DV00001538	Chụp Xquang khớp gối thẳng, nghiêng hoặc chếch	Lần	77,300	110,519
DV00001539	Chụp Xquang xương bánh chè và khớp đùi bánh chè	Lần	77,300	110,519
DV00001540	Chụp Xquang xương cẳng chân thẳng nghiêng	Lần	77,300	110,519
DV00001541	Chụp Xquang xương cổ chân thẳng, nghiêng hoặc chếch	Lần	77,300	110,519
DV00001542	Chụp Xquang xương bàn, ngón chân thẳng, nghiêng hoặc chếch	Lần	77,300	110,519
DV00001543	Chụp Xquang xương gót thẳng nghiêng	Lần	64,300	111,549
DV00001544	Chụp Xquang ngực thẳng	Lần	64,300	111,549
DV00001545	Chụp Xquang ngực nghiêng hoặc chếch mỗi bên	Lần	64,300	111,549
DV00001546	Chụp Xquang xương ức thẳng, nghiêng	Lần	77,300	110,519
DV00001547	Chụp Xquang khớp ức đòn thẳng chếch	Lần	77,300	110,519
DV00001548	Chụp Xquang đỉnh phổi ưỡn	Lần	64,300	111,549
DV00001549	Chụp Xquang thực quản cổ nghiêng	Lần	-	162,019
DV00001550	Chụp Xquang bụng không chuẩn bị thẳng hoặc nghiêng	Lần	-	111,549
DV00001551	Chụp Xquang thực quản dạ dày	Lần	124,300	215,579
DV00001552	Chụp Xquang ruột non	Lần	264,800	1,000,000
DV00001553	Chụp Xquang đại tràng	Lần	304,800	394,284
DV00001554	Chụp Xquang niệu đồ tĩnh mạch (UIV)	Lần	579,800	754,784
DV00001555	Chụp Xquang niệu quản-bể thận ngược dòng	Lần	569,800	754,784
DV00001556	Chụp Xquang niệu đạo bằng quang ngược dòng	Lần	604,800	807,314
DV00001557	Chụp Xquang bàng quang trên xương mu	Lần	246,800	344,844
TTHDV001904	Chụp Xquang Blondeau [Blondeau + Hirtz số hóa 2 phim] (gửi mẫu)	Lần	-	163,049
DV00000057	Siêu âm màng phổi cấp cứu	Lần	-	122,158
DV00000083	Siêu âm ổ bụng tại giường cấp cứu	Lần	-	122,158
DV00000106	Siêu âm cấp cứu tại giường bệnh	Lần	-	122,158
DV00000119	Siêu âm màng phổi cấp cứu	Lần	-	122,158
DV00000123	Siêu âm Doppler mạch máu	Lần	-	335,059
DV00000124	Siêu âm Doppler tim	Lần	-	335,059
DV00000125	Siêu âm tim cấp cứu tại giường	Lần	-	335,059
DV00000162	Siêu âm ổ bụng	Lần	-	122,158
DV00000163	Siêu âm DOPPLER mạch máu khối u gan	Lần	-	335,059
DV00000164	Siêu âm DOPPLER mạch máu hệ tĩnh mạch cửa hoặc mạch máu ổ bụng	Lần	-	335,059
DV00000180	Siêu âm khớp (một vị trí)	Lần	-	122,158
DV00000181	Siêu âm phần mềm (một vị trí)	Lần	-	122,158
DV00001471	Siêu âm tuyến giáp	Lần	-	200,000
DV00001472	Siêu âm các tuyến nước bọt	Lần	-	122,158
DV00001473	Siêu âm cơ phần mềm vùng cổ mặt	Lần	-	122,158
DV00001474	Siêu âm hạch vùng cổ	Lần	-	122,158
DV00001475	Siêu âm Doppler u tuyến, hạch vùng cổ	Lần	-	182,045
DV00001476	Siêu âm màng phổi	Lần	-	200,000
DV00001477	Siêu âm thành ngực (cơ, phần mềm thành ngực)	Lần	-	122,158
DV00001478	Siêu âm các khối u phổi ngoại vi	Lần	-	122,158
DV00001479	Siêu âm ổ bụng (gan mật, tụy, lách, thận, bàng quang)	Lần	-	122,158
DV00001480	Siêu âm hệ tiết niệu (thận, tuyến thượng thận, bàng quang, tiền liệt tuyến)	Lần	-	122,158
DV00001481	Siêu âm tử cung phần phụ	Lần	-	122,158
DV00001482	Siêu âm ống tiêu hóa (dạ dày, ruột non, đại tràng)	Lần	-	122,158

DV00001483	Siêu âm thai (thai, nhau thai, nước ối)	Lần	-	185,744
DV00001484	Siêu âm Doppler các khối u trong ổ bụng	Lần	-	164,632
DV00001485	Siêu âm Doppler gan lách	Lần	-	182,045
DV00001486	Siêu âm Doppler mạch máu ổ bụng (động mạch chủ, mạc treo tràng trên, thân tạng...)	Lần	-	335,059
DV00001487	Siêu âm Doppler từ cung phần phụ	Lần	-	182,045
DV00001488	Siêu âm Doppler tĩnh mạch chậu, chủ dưới	Lần	-	335,059
DV00001489	Siêu âm từ cung buồng trứng qua đường bụng	Lần	-	124,530
DV00001490	Siêu âm khớp (gối, háng, khuỷu, cổ tay....)	Lần	-	200,000
DV00001491	Siêu âm phần mềm (da, tổ chức dưới da, cơ....)	Lần	-	200,000
DV00001492	Siêu âm Doppler động mạch, tĩnh mạch chi dưới	Lần	-	335,059
DV00001493	Siêu âm Doppler tim, van tim	Lần	-	468,000
DV00001494	Siêu âm tuyến vú hai bên	Lần	58,600	200,000
TTHDV001928	Doppler động mạch cánh, Doppler xuyên sọ (gửi mẫu)	Lần	-	371,109
DV00000080	Nội soi đại tràng chẩn đoán bằng ống soi mềm	Lần	-	1,000,000
DV00000081	Nội soi đại tràng sinh thiết	Lần	-	1,500,000
DV00000147	Nội soi thực quản - Dạ dày - Tá tràng có dùng thuốc tiền mê	Lần	-	1,200,000
DV00000148	Nội soi trực tràng ống mềm	Lần	-	389,546
DV00000149	Nội soi trực tràng ống mềm cấp cứu	Lần	-	389,546
DV00000150	Nội soi trực tràng ống cứng	Lần	-	900,000
DV00000151	Nội soi đại trực tràng ống mềm không sinh thiết	Lần	-	700,503
DV00000152	Nội soi tiêu hóa với gây mê (đại tràng)	Lần	-	700,503
DV00000153	Nội soi đại trực tràng toàn bộ ống mềm có dùng thuốc tiền mê	Lần	-	1,500,000
DV00000154	Nội soi đại trực tràng toàn bộ ống mềm có sinh thiết	Lần	-	595,134
DV00000155	Nội soi can thiệp - làm Clo test chẩn đoán nhiễm H.Pylori	Lần	-	488,220
DV00000156	Nội soi thực quản - dạ dày - tá tràng không sinh thiết	Lần	-	1,442,130
DV00000157	Nội soi đại tràng sigma không sinh thiết	Lần	-	531,583
DV00000158	Nội soi đại tràng sigma ổ có sinh thiết	Lần	-	764,054
DV00000159	Nội soi trực tràng ống mềm không sinh thiết	Lần	-	389,546
DV00000160	Nội soi trực tràng ống mềm có sinh thiết	Lần	-	553,625
DV00000865	Nội soi đại tràng sigma	Lần	-	700,503
DV00000859	Nội soi mũi xoang	Lần	-	240,000
DV00000860	Nội soi tai	Lần	-	67,300
DV00000861	Nội soi mũi	Lần	-	67,300
DV00000862	Nội soi họng	Lần	-	67,300
DV00000863	Nội soi thực quản-dạ dày, lấy dị vật	Lần	-	2,013,000
DV00000864	Nội soi thực quản, dạ dày, tá tràng có thể kết hợp sinh thiết	Lần	-	455,000
DV00000866	Nội soi đại tràng-lấy dị vật	Lần	-	2,109,543
DV00000867	Soi trực tràng	Lần	-	348,000
DV00001558	Nội soi tai mũi họng	Lần	-	197,863
DV00000032	Ghi điện tim cấp cứu tại giường	Lần	39,900	55,900
DV00000033	Theo dõi điện tim cấp cứu tại giường liên tục ≤ 8 giờ	Lần	-	50,000
DV00000122	Điện tim thường	Lần	39,900	57,577
DV00001562	Điện tim thường	Lần	39,900	57,577
DV00000031	Theo dõi huyết áp liên tục không xâm nhập tại giường ≤ 8 giờ	Lần	-	30,000
DV00000038	Đo áp lực tĩnh mạch trung tâm	Lần	-	60,000
DV00000039	Theo dõi SPO2 liên tục tại giường ≤ 8 giờ	Lần	-	30,000
DV00000118	Nghiệm pháp đi bộ 6 phút	Lần	-	50,000
DV00000131	Ghi điện não thường quy	Lần	-	114,608
DV00000133	Test chẩn đoán nhược cơ bằng thuốc	Lần	-	300,000
DV00000248	Đo dẫn truyền thần kinh ngoại biên	Lần	-	250,000
DV00000249	Ghi điện cơ kim	Lần	-	100,000
DV00000286	Đo lưu huyết não	Lần	-	135,150
DV00000918	Đo lưu huyết não	Lần	-	135,150
DV00001559	Đo chỉ số ABI (chỉ số cổ chân/cánh tay)	Lần	-	86,200
DV00001560	Đo lưu huyết não	Lần	-	116,000

DV00001563	Ghi điện não độ vi tính	Lần	-	150,000
DV00001564	Ghi điện não độ thông thường	Lần	-	136,710
TTHDV001927	Đo mật độ xương bằng kỹ thuật DEXA (gửi mẫu)	Lần	-	147,992
DV00000299	Sắc thuốc thang và đóng gói thuốc bằng máy	Lần	14,000	14,000
DV00000303	Sắc thuốc thang	Lần	14,000	14,000
DV00001270	Điều trị bằng siêu âm	Lần	48,700	48,700
DV00000948	Sắc thuốc thang và đóng gói thuốc bằng máy	Lần	14,000	14,000
DV00000951	Sắc thuốc thang	Lần	14,000	14,000
DV00000034	Đặt catheter tĩnh mạch ngoại biên	Lần	25,100	25,100
DV00000035	Đặt catheter tĩnh mạch trung tâm 01 nòng	Lần	-	685,500
TTHDV002024	Thay băng (Thay băng, cắt chỉ vết thương hoặc mổ chiều dài ≤ 15cm) (áp dụng cho BN đang điều trị tại viện)	Lần	-	64,300
DV00000036	Đặt catheter tĩnh mạch trung tâm nhiều nòng	Lần	-	1,158,500
TTHDV002025	Thay băng (Thay băng, cắt chỉ vết thương hoặc mổ chiều dài > 15cm) (áp dụng cho BN đang điều trị tại viện)	Lần	-	89,500
DV00000037	Chăm sóc catheter tĩnh mạch	Lần	-	50,000
TTHDV002026	Thay băng (Thay băng, cắt chỉ vết thương hoặc mổ chiều dài từ ≤ 30cm nhiễm trùng) (áp dụng cho BN đang điều trị tại viện)	Lần	-	148,600
DV00000040	Đặt canuyn mũi hầu, miệng hầu	Lần	40,300	40,300
TTHDV002027	Thay băng (Thay băng, cắt chỉ vết thương hoặc mổ chiều dài từ > 30cm nhiễm trùng) (áp dụng cho BN đang điều trị tại viện)	Lần	-	193,600
DV00000041	Hút đờm qua ống nội khí quản/canuyn mở khí quản bằng ống thông một lần ở người bệnh không thở máy (một lần hút)	Lần	14,100	27,405
DV00000042	Thở oxy qua gong kính (≤ 8 giờ)	Lần	-	200,000
DV00000043	Thở oxy qua mặt nạ không có túi (≤ 8 giờ)	Lần	-	200,000
DV00000044	Thở ô xy qua mặt nạ có túi có hít lại (túi không có van) (≤ 8 giờ)	Lần	-	200,000
DV00000045	Thở oxy qua mặt nạ có túi không hít lại (túi có van) (≤ 8 giờ)	Lần	-	200,000
DV00000046	Thở oxy qua ống chữ T (T-tube) (≤ 8 giờ)	Lần	-	200,000
DV00000047	Thủ thuật Heimlich (lấy dị vật đường thở) cho người lớn và trẻ em	Lần	-	200,000
DV00000048	Bóp bóng Ambu qua mặt nạ	Lần	-	248,500
CB00000013	Kỹ thuật tập vận động trên hệ thống người máy (Robot) ZEPU-AI1 (gói 5 buổi)	Lần	-	3,250,000
DV00000049	Đặt ống nội khí quản	Lần	600,500	600,500
CB00000014	Kỹ thuật tập vận động trên hệ thống người máy (Robot) ZEPU-X8 (gói 5 buổi)	Lần	-	1,350,000
CB00000015	Kỹ thuật tập vận động trên hệ thống người máy (Robot) ZEPU-AI2 (gói 5 buổi)	Lần	-	2,000,000
DV00000051	Chăm sóc ống nội khí quản (một lần)	Lần	-	30,000
CB00000016	Kỹ thuật tập vận động trên hệ thống người máy (Robot) ZEPU-AI4 (gói 5 buổi)	Lần	-	2,250,000
DV00000052	Chăm sóc lỗ mở khí quản (một lần)	Lần	64,300	64,300
CB00000017	Kỹ thuật tập vận động trên hệ thống người máy (Robot) Tập máy khác (gói 5 buổi)	Lần	-	500,000
DV00000053	Thay ống nội khí quản	Lần	600,500	600,500
CB00000018	Kỹ thuật tập vận động trên hệ thống người máy (Robot) ZEPU-AI1 (gói 10 buổi)	Lần	-	6,500,000
DV00000054	Vận động trị liệu hô hấp	Lần	32,900	200,000
DV00000055	Khí dung thuốc cấp cứu (một lần)	Lần	-	40,685
CB00000019	Kỹ thuật tập vận động trên hệ thống người máy (Robot) ZEPU-X8 (gói 10 buổi)	Lần	-	2,700,000
CB00000020	Kỹ thuật tập vận động trên hệ thống người máy (Robot) ZEPU-AI2 (gói 10 buổi)	Lần	-	4,000,000
DV00000056	Khí dung thuốc cấp cứu (một lần) từ lần 2 trở đi	Lần	-	40,685
DV00000058	Chọc hút dịch - khí màng phổi bằng kim hay catheter	Lần	162,900	465,343
CB00000021	Kỹ thuật tập vận động trên hệ thống người máy (Robot) ZEPU-AI4 (gói 10 buổi)	Lần	-	4,500,000
CB00000022	Kỹ thuật tập vận động trên hệ thống người máy (Robot) Tập máy khác (gói 10 buổi)	Lần	-	1,000,000
DV00000059	Điều trị bằng oxy cao áp	Lần	-	350,000

CB00000023	Kỹ thuật tập vận động trên hệ thống người máy (Robot) ZEPU-A11 (gói 20 buổi)	Lần	-	13,000,000
DV00000064	Cổ định lồng ngực do chấn thương gãy xương sườn	Lần	58,400	58,400
CB00000024	Kỹ thuật tập vận động trên hệ thống người máy (Robot) ZEPU-X8 (gói 20 buổi)	Lần	-	5,400,000
DV00000065	Cấp cứu ngừng tuần hoàn hô hấp cơ bản	Lần	532,500	532,500
CB00000025	Kỹ thuật tập vận động trên hệ thống người máy (Robot) ZEPU-A12 (gói 20 buổi)	Lần	-	8,000,000
DV00000066	Đặt ống thông dẫn lưu bàng quang	Lần	101,800	101,800
CB00000026	Kỹ thuật tập vận động trên hệ thống người máy (Robot) ZEPU-A14(gói 20 buổi)	Lần	-	9,000,000
DV00000067	Thông bàng quang	Lần	101,800	101,800
DV00000068	Vận động trị liệu bàng quang	Lần	-	318,700
CB00000027	Kỹ thuật tập vận động trên hệ thống người máy (Robot) Tập máy khác (gói 20 buổi)	Lần	-	2,000,000
CB00000028	Kỹ thuật tập vận động trên hệ thống người máy (Robot) ZEPU-A11 (gói 20 buổi)	Lần	-	19,500,000
DV00000069	Vận động trị liệu cho người bệnh bất động tại giường ≤ 8 giờ	Lần	-	200,000
CB00000029	Kỹ thuật tập vận động trên hệ thống người máy (Robot) ZEPU-X8 (gói 30 buổi)	Lần	-	8,100,000
DV00000070	Gây nôn cho người bệnh ngộ độc qua đường tiêu hóa	Lần	-	82,100
CB00000030	Kỹ thuật tập vận động trên hệ thống người máy (Robot) ZEPU-A12 (gói 30 buổi)	Lần	-	12,000,000
DV00000071	Đặt ống thông dạ dày	Lần	101,800	101,800
DV00000072	Rửa dạ dày cấp cứu	Lần	152,000	152,000
CB00000031	Kỹ thuật tập vận động trên hệ thống người máy (Robot) ZEPU-A14 (gói 30 buổi)	Lần	-	13,500,000
CB00000032	Kỹ thuật tập vận động trên hệ thống người máy (Robot) Tập máy khác (gói 30 buổi)	Lần	-	3,000,000
DV00000073	Thụt tháo	Lần	92,400	92,400
CB00000033	Kỹ thuật tập vận động trên hệ thống người máy (Robot) ZEPU-A11 (gói 40 buổi)	Lần	-	26,000,000
DV00000074	Thụt giữ	Lần	-	92,400
DV00000075	Đặt ống thông hậu môn	Lần	92,400	92,400
CB00000034	Kỹ thuật tập vận động trên hệ thống người máy (Robot) ZEPU-X8 (gói 40 buổi)	Lần	-	10,800,000
CB00000035	Kỹ thuật tập vận động trên hệ thống người máy (Robot) ZEPU-A12 (gói 40 buổi)	Lần	-	16,000,000
DV00000076	Cho ăn qua ống thông dạ dày (một lần)	Lần	-	250,000
CB00000036	Kỹ thuật tập vận động trên hệ thống người máy (Robot) ZEPU-A14 (gói 40 buổi)	Lần	-	18,000,000
DV00000077	Nuôi dưỡng người bệnh qua ống thông dạ dày bằng bơm tay (một lần)	Lần	-	43,900
CB00000037	Kỹ thuật tập vận động trên hệ thống người máy (Robot) Tập máy khác (gói 40 buổi)	Lần	-	4,000,000
DV00000078	Nuôi dưỡng người bệnh bằng đường truyền tĩnh mạch ngoại biên ≤ 8 giờ	Lần	-	1,199,000
CB00000038	Kỹ thuật tập vận động trên hệ thống người máy (Robot) ZEPU-A11 (gói 50 buổi)	Lần	-	32,500,000
DV00000079	Nuôi dưỡng người bệnh bằng đường truyền tĩnh mạch trung tâm ≤ 8 giờ	Lần	-	597,000
CB00000039	Kỹ thuật tập vận động trên hệ thống người máy (Robot) ZEPU-X8 (gói 50 buổi)	Lần	-	13,500,000
DV00000082	Đo áp lực ổ bụng	Lần	532,400	532,400
DV00000084	Chọc dò ổ bụng cấp cứu	Lần	153,700	390,822
CB00000040	Kỹ thuật tập vận động trên hệ thống người máy (Robot) ZEPU-A12 (gói 50 buổi)	Lần	-	20,000,000
CB00000041	Kỹ thuật tập vận động trên hệ thống người máy (Robot) ZEPU-A14 (gói 50 buổi)	Lần	-	22,500,000
DV00000085	Đo lượng nước tiểu 24 giờ	Lần	-	100,000
CB00000042	Kỹ thuật tập vận động trên hệ thống người máy (Robot) Tập máy khác (gói 50 buổi)	Lần	-	5,000,000

DV00000086	Lấy máu tĩnh mạch, tiêm thuốc tĩnh mạch (một lần chọc kim qua da)	Lần	-	30,000
DV00000088	Lấy máu tĩnh mạch bẹn	Lần	-	50,000
DV00000089	Truyền máu và các chế phẩm máu	Lần	-	900,000
DV00000090	Chăm sóc mắt ở người bệnh hôn mê (một lần)	Lần	-	50,000
DV00000094	Xoa bóp phòng chống loét	Lần	-	150,000
DV00000095	Thay băng cho các vết thương hoại tử rộng (một lần)(chiều dài từ trên 15 cm đến 30 cm) (áp dụng cho BN điều trị tại viện)	Lần	-	148,600
DV00000096	Thay băng cho các vết thương hoại tử rộng (một lần)(chiều dài từ trên 15 cm đến 30 cm)	Lần	-	148,600
DV00000097	Thay băng cho các vết thương hoại tử rộng (một lần)(chiều dài dưới 15 cm)	Lần	-	148,600
DV00000099	Ga rô hoặc băng ép cầm máu	Lần	-	50,000
DV00000107	Điều trị giảm nồng độ canxi máu	Lần	-	300,000
DV00000108	Bóp bóng Ambu qua mặt nạ	Lần	-	248,500
DV00000109	Chăm sóc lỗ mở khí quản (một lần)	Lần	-	64,300
DV00000110	Điều trị bằng oxy cao áp	Lần	-	350,000
DV00000112	Kỹ thuật ho có điều khiển	Lần	-	100,000
DV00000113	Kỹ thuật tập thở cơ hoành	Lần	-	30,100
DV00000114	Kỹ thuật ho khạc đờm bằng khí dung nước muối ưu trương	Lần	-	100,000
DV00000115	Kỹ thuật vỗ rung dẫn lưu tư thể	Lần	-	100,000
DV00000116	Khí dung (Chưa bao gồm thuốc khí dung) lần đầu	Lần	27,500	63,070
DV00000117	Khí dung (Chưa bao gồm thuốc khí dung) từ lần 2 trở đi	Lần	27,500	63,070
DV00000120	Thay canuyn mở khí quản	Lần	-	263,700
DV00000121	Vận động trị liệu hô hấp	Lần	32,900	200,000
DV00000126	Chăm sóc mắt ở người bệnh liệt VII ngoại biên (một lần)	Lần	-	50,000
DV00000127	Điều trị đau rễ thần kinh thắt lưng - cùng bằng tiêm ngoài màng cứng	Lần	-	1,336,000
DV00000128	Điều trị đau rễ thần kinh bằng phong bế đám rối	Lần	-	1,400,000
DV00000129	Điều trị chứng co cứng cơ sau TBMMN bằng tiêm Botulinum Toxin A (Dysport, Botox...)	Lần	-	1,400,000
DV00000130	Điều trị chứng co cứng cơ sau viêm não bằng tiêm Botulinum Toxin A (Dysport, Botox,...)	Lần	-	1,400,000
DV00000132	Hút đờm hầu họng	Lần	14,100	27,405
DV00000134	Thay băng các vết loét hoại tử rộng sau TBMMN	Lần	148,600	148,600
DV00000136	Xoa bóp phòng chống loét trong các bệnh thần kinh (một ngày)	Lần	64,900	258,012
DV00000138	Chọc hút nước tiểu trên xương mu	Lần	-	308,142
DV00000139	Đặt sonde bàng quang	Lần	101,800	101,800
DV00000140	Đo lượng nước tiểu 24 giờ	Lần	-	100,000
DV00000141	Nong niệu đạo và đặt sonde đái	Lần	273,500	273,500
DV00000142	Rửa bàng quang	Lần	230,500	294,065
DV00000143	Cho ăn qua ống mở thông dạ dày hoặc hồng tràng (một lần)	Lần	-	100,000
DV00000144	Chọc dò dịch ổ bụng xét nghiệm	Lần	153,700	390,822
DV00000145	Chọc tháo dịch ổ bụng điều trị	Lần	195,900	537,576
DV00000146	Đặt ống thông dạ dày	Lần	101,800	101,800
DV00000161	Rửa dạ dày cấp cứu	Lần	152,000	152,000
DV00000165	Thụt tháo chuẩn bị sạch đại tràng	Lần	92,400	169,470
DV00000166	Thụt tháo phân	Lần	92,400	169,470
DV00000167	Hút dịch khớp gối	Lần	-	427,572
DV00000168	Hút dịch khớp gối dưới hướng dẫn của siêu âm	Lần	-	607,256
DV00000169	Hút dịch khớp háng	Lần	-	729,864
DV00000170	Hút dịch khớp khuỷu	Lần	-	427,572
DV00000171	Hút dịch khớp khuỷu dưới hướng dẫn của siêu âm	Lần	-	607,256
DV00000172	Hút dịch khớp cổ chân	Lần	-	427,572
DV00000173	Hút dịch khớp cổ chân dưới hướng dẫn của siêu âm	Lần	-	607,256
DV00000174	Hút dịch khớp cổ tay	Lần	-	427,572
DV00000175	Hút dịch khớp cổ tay dưới hướng dẫn của siêu âm	Lần	-	607,256
DV00000176	Hút dịch khớp vai	Lần	-	427,572
DV00000177	Hút nang bao hoạt dịch	Lần	129,600	427,572

DV00000178	Hút nang bao hoạt dịch dưới hướng dẫn của siêu âm	Lần	-	607,256
DV00000179	Hút ổ viêm/ áp xe phần mềm	Lần	126,700	368,829
DV00000182	Tiêm khớp gối	Lần	104,400	343,898
DV00000183	Tiêm khớp háng	Lần	104,400	464,832
DV00000184	Tiêm khớp cổ chân	Lần	104,400	343,898
DV00000185	Tiêm khớp bàn ngón chân	Lần	104,400	343,898
DV00000186	Tiêm khớp cổ tay	Lần	104,400	343,898
DV00000187	Tiêm khớp bàn ngón tay	Lần	104,400	343,898
DV00000188	Tiêm khớp đốt ngón tay	Lần	104,400	343,898
DV00000189	Tiêm khớp khuỷu tay	Lần	104,400	343,898
DV00000190	Tiêm khớp vai	Lần	104,400	343,898
DV00000191	Tiêm khớp ức đòn	Lần	104,400	343,898
DV00000192	Tiêm khớp ức - sườn	Lần	104,400	343,898
DV00000193	Tiêm khớp đòn- cùng vai	Lần	104,400	343,898
DV00000194	Tiêm điểm bám gân móm trám quay (móm trám trụ)	Lần	104,400	586,856
DV00000195	Tiêm điểm bám gân lõi cầu trong (lõi cầu ngoài) xương cánh tay	Lần	104,400	586,856
DV00000196	Tiêm điểm bám gân quanh khớp gối	Lần	104,400	586,856
DV00000197	Tiêm hội chứng DeQuervain	Lần	104,400	586,856
DV00000198	Tiêm hội chứng đường hầm cổ tay	Lần	104,400	586,856
DV00000199	Tiêm gân gấp ngón tay	Lần	104,400	586,856
DV00000200	Tiêm gân nhị đầu khớp vai	Lần	104,400	586,856
DV00000201	Tiêm gân trên gai (dưới gai, gân bao xoay khớp vai)	Lần	104,400	586,856
DV00000202	Tiêm điểm bám gân móm cùng vai	Lần	104,400	586,856
DV00000203	Tiêm điểm bám gân móm trám quay (trám trụ)	Lần	104,400	586,856
DV00000204	Tiêm gân gót	Lần	104,400	586,856
DV00000205	Tiêm cân gân chân	Lần	104,400	586,856
DV00000206	Tiêm khớp gối dưới hướng dẫn của siêu âm	Lần	-	602,888
DV00000207	Tiêm khớp cổ chân dưới hướng dẫn của siêu âm	Lần	-	602,888
DV00000208	Tiêm khớp bàn ngón chân dưới hướng dẫn của siêu âm	Lần	-	715,208
DV00000209	Tiêm khớp cổ tay dưới hướng dẫn của siêu âm	Lần	-	602,888
DV00000210	Tiêm khớp bàn ngón tay dưới hướng dẫn của siêu âm	Lần	-	715,208
DV00000211	Tiêm khớp đốt ngón tay dưới hướng dẫn của siêu âm	Lần	-	715,208
DV00000212	Tiêm khớp khuỷu tay dưới hướng dẫn của siêu âm	Lần	-	602,888
DV00000213	Tiêm khớp vai dưới hướng dẫn của siêu âm	Lần	-	602,888
DV00000214	Tiêm hội chứng DeQuervain dưới hướng dẫn của siêu âm	Lần	-	835,485
DV00000215	Tiêm hội chứng đường hầm cổ tay dưới hướng dẫn của siêu âm	Lần	-	835,485
DV00000216	Tiêm gân gấp ngón tay dưới hướng dẫn của siêu âm	Lần	-	835,485
DV00000217	Tiêm gân nhị đầu khớp vai dưới hướng dẫn của siêu âm	Lần	-	835,485
DV00000218	Tiêm gân trên gai (dưới gai, gân bao xoay khớp vai) dưới hướng dẫn của siêu âm	Lần	-	835,485
DV00000219	Tiêm điểm bám gân móm cùng vai dưới hướng dẫn của siêu âm	Lần	-	835,485
DV00000220	Nghiệm pháp đánh giá rối loạn nuốt tại giường cho người bệnh tai biến mạch máu não	Lần	-	1,298,182
DV00000221	Thay băng vết loét do vỡ hạt tophry	Lần	-	326,000
DV00000222	Tiêm nội khớp: acid Hyaluronic	Lần	-	8,000,000
DV00000226	Ép tim ngoài lồng ngực	Lần	-	500,000
DV00000227	Điều trị bằng oxy cao áp	Lần	-	596,820
DV00000232	Hỗ trợ hô hấp xâm nhập qua nội khí quản	Lần	-	625,000
DV00000233	Khí dung thuốc cấp cứu (Chưa bao gồm thuốc khí dung) lần đầu	Lần	27,500	40,685
DV00000234	Khí dung thuốc cấp cứu (Chưa bao gồm thuốc khí dung) từ lần 2 trở đi	Lần	27,500	40,685
DV00000235	Vận động trị liệu hô hấp	Lần	-	200,000
DV00000236	Đặt mắt nạ thanh quản cấp cứu	Lần	-	885,800
DV00000237	Thổi ngạt	Lần	-	479,000
DV00000238	Bóp bóng Ambu qua mặt nạ	Lần	-	248,500
DV00000239	Thủ thuật Heimlich (lấy dị vật đường thở)	Lần	-	200,000
DV00000240	Thở oxy gọng kính	Lần	-	500,000
DV00000241	Thở oxy lưu lượng cao qua mặt nạ không túi	Lần	-	500,000

DV00000242	Thở oxy qua mặt nạ có túi	Lần	-	500,000
DV00000243	Thở oxy qua ống chữ T (T-tube)	Lần	-	568,000
DV00000244	Cố định lồng ngực do chấn thương gãy xương sườn	Lần	58,400	58,400
DV00000245	Cấp cứu ngừng tuần hoàn hô hấp	Lần	532,500	532,500
DV00000246	Vận động trị liệu bằng quang	Lần	-	318,700
DV00000247	Thông tiểu	Lần	101,800	101,800
DV00000250	Điều trị co giật liên tục (điều trị trạng thái động kinh)	Lần	-	900,000
DV00000251	Vận động trị liệu cho người bệnh bất động tại giường	Lần	-	200,000
DV00000252	Rửa dạ dày cấp cứu	Lần	152,000	152,000
DV00000253	Đặt sonde hậu môn	Lần	92,400	169,470
DV00000254	Thụt tháo phân	Lần	92,400	169,470
DV00000255	Nuôi dưỡng người bệnh bằng đường truyền tĩnh mạch ngoại biên	Lần	-	250,000
DV00000256	Nuôi dưỡng người bệnh qua Catheter thực quản dạ dày bằng bơm tay	Lần	-	250,000
DV00000257	Kiểm soát đau trong cấp cứu	Lần	-	100,000
DV00000259	Thay băng cho các vết thương hoại tử rộng	Lần	-	200,000
DV00000265	Xoa bóp phòng chống loét	Lần	-	150,000
DV00000269	Cầm máu (vết thương chảy máu)	Lần	-	50,000
DV00000271	Tiêm truyền thuốc	Lần	-	50,000
DV00000272	Liệu pháp hành vi tác phong	Lần	-	500,000
DV00000273	Thang đánh giá mức độ tự kỷ (CARS)	Lần	-	50,000
DV00000274	Thang sàng lọc tự kỷ cho trẻ nhỏ 18 - 36 tháng (CHAT)	Lần	-	50,000
DV00000275	Test Denver đánh giá phát triển tâm thần vận động	Lần	-	100,000
DV00000276	Trắc nghiệm tâm lý Beck	Lần	-	50,000
DV00000277	Trắc nghiệm tâm lý Zung	Lần	-	50,000
DV00000278	Trắc nghiệm tâm lý Raven	Lần	-	50,000
DV00000279	Trắc nghiệm tâm lý Wais và Wics (thang Weschler)	Lần	-	50,000
DV00000280	Liệu pháp âm thị	Lần	-	500,000
DV00000281	Liệu pháp thư giãn luyện tập	Lần	-	500,000
DV00000282	Liệu pháp âm nhạc	Lần	-	500,000
DV00000283	Liệu pháp hội họa	Lần	-	500,000
DV00000284	Trắc nghiệm tâm lý Hamilton	Lần	-	50,000
DV00000285	Xử trí trạng thái loạn trương lực cơ cấp	Lần	-	300,000
DV00000287	Xử trí người bệnh kích động	Lần	-	300,000
DV00000288	Xử trí hội chứng an thần kinh ác tính	Lần	-	300,000
DV00000289	Xử trí người bệnh không ăn	Lần	-	300,000
DV00000290	Liệu pháp tâm lý nhóm	Lần	-	500,000
DV00000291	Liệu pháp tâm lý gia đình	Lần	-	500,000
DV00000292	Liệu pháp tái thích ứng xã hội	Lần	-	500,000
DV00000293	Tư vấn tâm lý cho người bệnh và gia đình	Lần	-	500,000
DV00000294	Liệu pháp lao động	Lần	-	500,000
DV00000295	Cấp cứu người bệnh tự sát	Lần	-	300,000
DV00000296	Laser châm	Lần	52,100	100,000
DV00000297	Kéo nắn cột sống cổ	Lần	-	100,000
DV00000298	Kéo nắn cột sống thắt lưng	Lần	-	100,000
DV00000300	Xông thuốc bằng máy	Lần	-	100,000
DV00000301	Ngâm thuốc YHCT toàn thân	Lần	-	200,000
DV00000302	Xông hơi thuốc	Lần	-	100,000
DV00000304	Ngâm thuốc YHCT bộ phận	Lần	-	100,000
DV00000305	Đặt thuốc YHCT	Lần	-	100,000
DV00000307	Chườm ngải	Lần	37,000	100,000
DV00000308	Hào châm	Lần	76,300	100,000
DV00000309	Nhĩ châm	Lần	-	100,000
DV00000310	Ốn châm	Lần	76,300	100,000
DV00000312	Luyện tập dưỡng sinh	Lần	-	33,400
DV00000313	Điện màng châm điều trị liệt chi trên	Lần	85,300	100,000
DV00000314	Điện màng châm điều trị liệt chi dưới	Lần	85,300	100,000

DV00000315	Điện màng châm điều trị liệt nửa người	Lần	85,300	100,000
DV00000316	Điện màng châm điều trị liệt do bệnh của cơ	Lần	85,300	100,000
DV00000317	Điện màng châm điều trị bệnh lý các dây thần kinh	Lần	-	100,000
DV00000318	Điện màng châm điều trị teo cơ	Lần	-	100,000
DV00000319	Điện màng châm điều trị đau thần kinh tọa	Lần	85,300	100,000
DV00000320	Điện màng châm điều trị bại não	Lần	-	100,000
DV00000321	Điện màng châm điều trị tổn thương dây, rễ và đám rối thần kinh	Lần	-	100,000
DV00000322	Điện màng châm điều trị đau mắt cơ	Lần	-	100,000
DV00000323	Điện màng châm điều trị viêm quanh khớp vai	Lần	85,300	100,000
DV00000324	Điện màng châm điều trị hội chứng vai gáy	Lần	85,300	100,000
DV00000325	Điện màng châm điều trị viêm cơ cứng cơ delta	Lần	-	100,000
DV00000326	Điện màng châm điều trị béo phì	Lần	-	100,000
DV00000327	Điện màng châm điều trị rối loạn thần kinh chức năng sau chấn thương sọ não	Lần	85,300	100,000
DV00000328	Điện màng châm điều trị liệt tứ chi do chấn thương cột sống	Lần	85,300	100,000
DV00000329	Điện màng châm điều trị giảm đau sau phẫu thuật	Lần	-	100,000
DV00000330	Điện màng châm điều trị giảm đau do ung thư	Lần	-	100,000
DV00000331	Điện nhĩ châm điều trị liệt chi trên	Lần	78,300	100,000
DV00000332	Điện nhĩ châm điều trị liệt chi dưới	Lần	78,300	100,000
DV00000333	Điện nhĩ châm điều trị đau thần kinh tọa	Lần	-	100,000
DV00000334	Điện nhĩ châm điều trị liệt nửa người	Lần	78,300	100,000
DV00000335	Điện nhĩ châm điều trị bại não	Lần	78,300	100,000
DV00000336	Điện nhĩ châm điều trị liệt do bệnh của cơ	Lần	-	100,000
DV00000337	Điện nhĩ châm điều trị chứng ù tai	Lần	78,300	100,000
DV00000338	Điện nhĩ châm điều trị giảm khứ giác	Lần	78,300	100,000
DV00000339	Điện nhĩ châm điều trị chứng nói ngọng, nói lắp	Lần	-	100,000
DV00000340	Điện nhĩ châm điều trị khàn tiếng	Lần	78,300	100,000
DV00000341	Điện nhĩ châm điều trị hội chứng ngoại tháp	Lần	-	100,000
DV00000342	Điện nhĩ châm điều trị động kinh	Lần	78,300	100,000
DV00000343	Điện nhĩ châm điều trị đau đầu, đau nửa đầu	Lần	78,300	100,000
DV00000344	Điện nhĩ châm điều trị mất ngủ	Lần	78,300	100,000
DV00000345	Điện nhĩ châm điều trị thiếu máu não mạn tính	Lần	78,300	100,000
DV00000346	Điện nhĩ châm điều trị tổn thương rễ, đám rối và dây thần kinh	Lần	78,300	100,000
DV00000347	Điện nhĩ châm điều trị tổn thương dây thần kinh V	Lần	78,300	100,000
DV00000348	Điện nhĩ châm điều trị liệt dây thần kinh VII ngoại biên	Lần	78,300	100,000
DV00000349	Điện nhĩ châm điều trị chắp leo	Lần	-	100,000
DV00000350	Điện nhĩ châm điều trị sụp mí	Lần	-	100,000
DV00000351	Điện nhĩ châm điều trị bệnh hồ mắt	Lần	78,300	100,000
DV00000352	Điện nhĩ châm điều trị viêm kết mạc	Lần	78,300	100,000
DV00000353	Điện nhĩ châm điều trị viêm thần kinh thị giác sau giai đoạn cấp	Lần	78,300	100,000
DV00000354	Điện nhĩ châm điều trị lác	Lần	-	100,000
DV00000355	Điện nhĩ châm điều trị giảm thị lực	Lần	78,300	100,000
DV00000356	Điện nhĩ châm điều trị hội chứng TIC	Lần	-	80,000
DV00000357	Điện nhĩ châm điều trị giảm thính lực	Lần	78,300	100,000
DV00000358	Điện nhĩ châm điều trị thất ngốn	Lần	78,300	100,000
DV00000359	Điện nhĩ châm điều trị viêm xoang	Lần	78,300	100,000
DV00000360	Điện nhĩ châm điều trị viêm mũi dị ứng	Lần	-	100,000
DV00000361	Điện nhĩ châm điều trị hen phế quản	Lần	78,300	100,000
DV00000362	Điện nhĩ châm điều trị tăng huyết áp	Lần	-	100,000
DV00000363	Điện nhĩ châm điều trị huyết áp thấp	Lần	78,300	100,000
DV00000364	Điện nhĩ châm điều trị đau thần kinh liên sườn	Lần	-	100,000
DV00000365	Điện nhĩ châm điều trị đau ngực, sườn	Lần	-	100,000
DV00000366	Điện nhĩ châm điều trị trĩ	Lần	-	100,000
DV00000367	Điện nhĩ châm điều trị sa dạ dày	Lần	-	100,000
DV00000368	Điện nhĩ châm điều trị đau dạ dày	Lần	-	100,000
DV00000369	Điện nhĩ châm điều trị nôn, nấc	Lần	78,300	100,000
DV00000370	Điện nhĩ châm điều trị đau lưng	Lần	78,300	100,000

DV00000371	Điện nhĩ châm điều trị đau môi cơ	Lần	-	100,000
DV00000372	Điện nhĩ châm điều trị hội chứng vai gáy	Lần	78,300	100,000
DV00000373	Điện nhĩ châm điều trị đau mắt	Lần	-	100,000
DV00000374	Điện nhĩ châm điều trị bí đái	Lần	78,300	100,000
DV00000375	Điện nhĩ châm điều trị rối loạn thần kinh thực vật	Lần	78,300	100,000
DV00000376	Điện nhĩ châm điều trị béo phì	Lần	-	100,000
DV00000377	Điện nhĩ châm điều trị bướu cổ đơn thuần	Lần	-	100,000
DV00000378	Điện nhĩ châm điều trị giảm đau sau phẫu thuật	Lần	-	100,000
DV00000379	Điện nhĩ châm điều trị giảm đau ung thư	Lần	78,300	100,000
DV00000380	Điện nhĩ châm điều trị đau răng	Lần	78,300	100,000
DV00000381	Cây chỉ điều trị di chứng bại liệt	Lần	-	300,000
DV00000382	Cây chỉ điều trị liệt chi trên	Lần	156,400	300,000
DV00000383	Cây chỉ điều trị liệt chi dưới	Lần	156,400	300,000
DV00000384	Cây chỉ điều trị liệt nửa người	Lần	156,400	300,000
DV00000385	Cây chỉ điều trị liệt do bệnh của cơ	Lần	-	300,000
DV00000386	Cây chỉ châm điều trị liệt các dây thần kinh	Lần	-	300,000
DV00000387	Cây chỉ điều trị teo cơ	Lần	-	300,000
DV00000388	Cây chỉ điều trị đau thần kinh tọa	Lần	156,400	300,000
DV00000389	Cây chỉ điều trị bại não	Lần	156,400	300,000
DV00000390	Cây chỉ điều trị chứng ù tai	Lần	-	300,000
DV00000391	Cây chỉ điều trị giảm khứ giác	Lần	-	300,000
DV00000392	Cây chỉ điều trị chứng nói ngọng, nói lắp	Lần	-	300,000
DV00000393	Cây chỉ điều trị khàn tiếng	Lần	156,400	300,000
DV00000394	Cây chỉ điều trị bệnh tâm căn suy nhược	Lần	156,400	300,000
DV00000395	Cây chỉ điều trị hội chứng ngoại tháp	Lần	156,400	300,000
DV00000396	Cây chỉ điều trị động kinh	Lần	156,400	300,000
DV00000397	Cây chỉ điều trị đau đầu, đau nửa đầu	Lần	156,400	300,000
DV00000398	Cây chỉ điều trị mất ngủ	Lần	156,400	300,000
DV00000399	Cây chỉ điều trị thiếu máu não mạn tính	Lần	156,400	300,000
DV00000400	Cây chỉ điều trị tổn thương dây, rễ và đám rối thần kinh	Lần	-	300,000
DV00000401	Cây chỉ điều trị tổn thương dây thần kinh V	Lần	-	300,000
DV00000402	Cây chỉ điều trị liệt dây thần kinh VII ngoại biên	Lần	156,400	300,000
DV00000403	Cây chỉ điều trị giảm thị lực do teo gai thị	Lần	156,400	300,000
DV00000404	Cây chỉ điều trị rối loạn tiền đình	Lần	156,400	300,000
DV00000405	Cây chỉ điều trị giảm thính lực	Lần	156,400	300,000
DV00000406	Cây chỉ điều trị thất ngôn	Lần	156,400	300,000
DV00000407	Cây chỉ điều trị viêm xoang	Lần	156,400	300,000
DV00000408	Cây chỉ điều trị viêm mũi dị ứng	Lần	156,400	300,000
DV00000409	Cây chỉ điều trị hen phế quản	Lần	156,400	300,000
DV00000410	Cây chỉ điều trị huyết áp thấp	Lần	156,400	300,000
DV00000411	Cây chỉ điều trị đau thần kinh liên sườn	Lần	156,400	300,000
DV00000412	Cây chỉ điều trị đau ngực, sườn	Lần	-	300,000
DV00000413	Cây chỉ điều trị trĩ	Lần	-	300,000
DV00000414	Cây chỉ điều trị sa dạ dày	Lần	156,400	300,000
DV00000415	Cây chỉ điều trị đau dạ dày	Lần	156,400	300,000
DV00000416	Cây chỉ điều trị nôn, nấc	Lần	156,400	300,000
DV00000417	Cây chỉ điều trị dị ứng	Lần	-	300,000
DV00000418	Cây chỉ điều trị viêm khớp dạng thấp	Lần	156,400	300,000
DV00000419	Cây chỉ điều trị thoái hóa khớp	Lần	156,400	300,000
DV00000420	Cây chỉ điều trị đau lưng	Lần	156,400	300,000
DV00000421	Cây chỉ điều trị đau môi cơ	Lần	-	300,000
DV00000422	Cây chỉ điều trị viêm quanh khớp vai	Lần	156,400	300,000
DV00000423	Cây chỉ điều trị hội chứng vai gáy	Lần	156,400	300,000
DV00000424	Cây chỉ điều trị viêm cơ cứng cơ delta	Lần	-	300,000
DV00000425	Cây chỉ điều trị đại, tiểu tiện không tự chủ	Lần	156,400	300,000
DV00000426	Cây chỉ điều trị táo bón	Lần	156,400	300,000

DV00000427	Cây chỉ điều trị đái dầm	Lần	156,400	300,000
DV00000428	Cây chỉ điều trị bí đái	Lần	-	300,000
DV00000429	Cây chỉ điều trị rối loạn thần kinh thực vật	Lần	-	300,000
DV00000430	Cây chỉ điều trị buồn cổ đơn thuần	Lần	-	300,000
DV00000431	Cây chỉ điều trị rối loạn chức năng do chấn thương sọ não	Lần	156,400	300,000
DV00000432	Cây chỉ điều trị liệt tứ chi do chấn thương cột sống	Lần	156,400	300,000
DV00000433	Cây chỉ điều trị giảm đau sau phẫu thuật	Lần	-	300,000
DV00000434	Cây chỉ điều trị giảm đau do ung thư	Lần	-	300,000
DV00000435	Điện châm điều trị di chứng bại liệt	Lần	78,300	100,000
DV00000436	Điện châm điều trị liệt chi trên	Lần	78,300	100,000
DV00000437	Điện châm điều trị liệt chi dưới	Lần	78,300	100,000
DV00000438	Điện châm điều trị liệt nửa người	Lần	78,300	100,000
DV00000439	Điện châm điều trị liệt do bệnh của cơ	Lần	-	100,000
DV00000440	Điện châm điều trị teo cơ	Lần	-	100,000
DV00000441	Điện châm điều trị đau thần kinh tọa	Lần	78,300	100,000
DV00000442	Điện châm điều trị bại não	Lần	78,300	100,000
DV00000443	Điện châm điều trị chứng ù tai	Lần	78,300	100,000
DV00000444	Điện châm điều trị giảm khứu giác	Lần	78,300	100,000
DV00000445	Điện châm điều trị chứng nói ngọng, nói lắp	Lần	-	100,000
DV00000446	Điện châm điều trị khàn tiếng	Lần	78,300	100,000
DV00000447	Điện châm điều trị hội chứng ngoại tháp	Lần	78,300	100,000
DV00000448	Điện châm điều trị động kinh cục bộ	Lần	-	100,000
DV00000449	Điện châm điều trị đau đầu, đau nửa đầu	Lần	78,300	100,000
DV00000450	Điện châm điều trị mất ngủ	Lần	78,300	100,000
DV00000451	Điện châm điều trị stress	Lần	78,300	100,000
DV00000452	Điện châm điều trị thiếu máu não mạn tính	Lần	78,300	100,000
DV00000453	Điện châm điều trị tổn thương gây liệt rễ, đám rối và dây thần kinh	Lần	-	100,000
DV00000454	Điện châm điều trị tổn thương dây thần kinh V	Lần	78,300	100,000
DV00000455	Điện châm điều trị liệt dây thần kinh VII ngoại biên	Lần	78,300	100,000
DV00000456	Điện châm điều trị chắp lẹo	Lần	78,300	100,000
DV00000457	Điện châm điều trị sụp mí	Lần	78,300	100,000
DV00000458	Điện châm điều trị bệnh hồ mắt	Lần	78,300	100,000
DV00000459	Điện châm điều trị viêm kết mạc	Lần	78,300	100,000
DV00000460	Điện châm điều trị viêm thần kinh thị giác sau giai đoạn cấp	Lần	78,300	100,000
DV00000461	Điện châm điều trị giảm thị lực	Lần	78,300	100,000
DV00000462	Điện châm điều trị hội chứng tiền đình	Lần	78,300	100,000
DV00000463	Điện châm điều trị giảm thính lực	Lần	78,300	100,000
DV00000464	Điện châm điều trị thất ngôn	Lần	78,300	100,000
DV00000465	Điện châm điều trị rối loạn cảm giác đầu chi	Lần	78,300	100,000
DV00000466	Điện châm điều trị viêm cơ cứng cơ delta	Lần	-	100,000
DV00000467	Điện châm điều trị nôn nấc	Lần	78,300	100,000
DV00000468	Điện châm điều trị rối loạn trị đại, tiểu tiện	Lần	78,300	100,000
DV00000469	Điện châm điều trị táo bón	Lần	78,300	100,000
DV00000470	Điện châm điều trị rối loạn tiêu hoá	Lần	-	100,000
DV00000471	Điện châm điều trị rối loạn cảm giác	Lần	78,300	100,000
DV00000472	Điện châm điều trị đái dầm	Lần	78,300	100,000
DV00000473	Điện châm điều trị bí đái	Lần	78,300	100,000
DV00000474	Điện châm điều trị rối loạn thần kinh thực vật	Lần	78,300	100,000
DV00000475	Điện châm điều trị cảm cúm	Lần	78,300	100,000
DV00000476	Điện châm điều trị béo phì	Lần	-	100,000
DV00000477	Điện châm điều trị rối loạn chức năng do chấn thương sọ não	Lần	78,300	100,000
DV00000478	Điện châm điều trị liệt tứ chi do chấn thương cột sống	Lần	78,300	100,000
DV00000479	Điện châm điều trị giảm đau sau phẫu thuật	Lần	-	100,000
DV00000480	Điện châm điều trị giảm đau do ung thư	Lần	78,300	100,000
DV00000481	Điện châm điều trị đau răng	Lần	78,300	100,000
DV00000482	Điện châm điều trị giảm đau do Zona	Lần	78,300	100,000

DV00000483	Điện châm điều trị viêm mũi xoang	Lần	78,300	100,000
DV00000484	Điện châm điều trị hen phế quản	Lần	78,300	100,000
DV00000485	Điện châm điều trị tăng huyết áp	Lần	78,300	100,000
DV00000486	Điện châm điều trị huyết áp thấp	Lần	78,300	100,000
DV00000487	Điện châm điều trị đau dây thần kinh liên sườn	Lần	78,300	100,000
DV00000488	Điện châm điều trị đau ngực sườn	Lần	-	100,000
DV00000489	Điện châm điều trị viêm đa dây thần kinh	Lần	78,300	100,000
DV00000490	Điện châm điều trị viêm khớp dạng thấp	Lần	-	100,000
DV00000491	Điện châm điều trị thoái hóa khớp	Lần	78,300	100,000
DV00000492	Điện châm điều trị đau lưng	Lần	78,300	100,000
DV00000493	Điện châm điều trị đau mắt cơ	Lần	-	100,000
DV00000494	Điện châm điều trị viêm quanh khớp vai	Lần	78,300	100,000
DV00000495	Điện châm điều trị hội chứng vai gáy	Lần	78,300	100,000
DV00000496	Điện châm điều trị chứng tic	Lần	78,300	100,000
DV00000497	Thủy châm điều trị liệt	Lần	77,100	80,000
DV00000498	Thủy châm điều trị liệt chi trên	Lần	77,100	80,000
DV00000499	Thủy châm điều trị liệt chi dưới	Lần	77,100	80,000
DV00000500	Thủy châm điều trị liệt nửa người	Lần	77,100	80,000
DV00000501	Thủy châm điều trị liệt do bệnh của cơ	Lần	-	80,000
DV00000502	Thủy châm điều trị teo cơ	Lần	-	80,000
DV00000503	Thủy châm điều trị đau thần kinh tọa	Lần	77,100	80,000
DV00000504	Thủy châm điều trị bại não	Lần	77,100	80,000
DV00000505	Thủy châm điều trị chứng ù tai	Lần	-	80,000
DV00000506	Thủy châm điều trị giảm khứu giác	Lần	-	80,000
DV00000507	Thủy châm điều trị rối loạn vận ngôn	Lần	77,100	80,000
DV00000508	Thủy châm điều trị khản tiếng	Lần	77,100	80,000
DV00000509	Thủy châm điều trị hội chứng ngoại tháp	Lần	77,100	80,000
DV00000510	Thủy châm điều trị động kinh	Lần	77,100	80,000
DV00000511	Thủy châm điều trị đau đầu, đau nửa đầu	Lần	77,100	80,000
DV00000512	Thủy châm điều trị mất ngủ	Lần	77,100	80,000
DV00000513	Thủy châm điều trị stress	Lần	77,100	80,000
DV00000514	Thủy châm điều trị thiếu máu não mạn tính	Lần	77,100	80,000
DV00000515	Thủy châm điều trị tổn thương rễ, đám rối và dây thần kinh	Lần	-	80,000
DV00000516	Thủy châm điều trị tổn thương dây thần kinh V	Lần	77,100	80,000
DV00000517	Thủy châm điều trị liệt dây thần kinh số VII ngoại biên	Lần	77,100	80,000
DV00000518	Thủy châm điều trị sụp mí	Lần	77,100	80,000
DV00000519	Thủy châm điều trị bệnh hồ mắt	Lần	77,100	80,000
DV00000520	Thủy châm điều trị viêm thần kinh thị giác sau giai đoạn cấp	Lần	77,100	80,000
DV00000521	Thủy châm điều trị lác	Lần	77,100	80,000
DV00000522	Thủy châm điều trị giảm thị lực	Lần	77,100	80,000
DV00000523	Thủy châm điều trị hội chứng tiền đình	Lần	77,100	80,000
DV00000524	Thủy châm điều trị giảm thính lực	Lần	77,100	80,000
DV00000525	Thủy châm điều trị thất ngôn	Lần	77,100	80,000
DV00000526	Thủy châm điều trị viêm xoang	Lần	77,100	80,000
DV00000527	Thủy châm điều trị viêm mũi dị ứng	Lần	77,100	80,000
DV00000528	Thủy châm điều trị hen phế quản	Lần	77,100	80,000
DV00000529	Thủy châm điều trị tăng huyết áp	Lần	-	80,000
DV00000530	Thủy châm điều trị huyết áp thấp	Lần	77,100	80,000
DV00000531	Thủy châm điều trị đau vùng ngực	Lần	-	80,000
DV00000532	Thủy châm điều trị đau thần kinh liên sườn	Lần	77,100	80,000
DV00000533	Thủy châm điều trị đau ngực, sườn	Lần	-	80,000
DV00000534	Thủy châm điều trị trĩ	Lần	77,100	80,000
DV00000535	Thủy châm điều trị sa dạ dày	Lần	77,100	80,000
DV00000536	Thủy châm điều trị đau dạ dày	Lần	77,100	80,000
DV00000537	Thủy châm điều trị nôn, nấc	Lần	77,100	80,000
DV00000538	Thủy châm điều trị bệnh vẩy nến	Lần	77,100	80,000

DV00000539	Thủy châm điều trị dị ứng	Lần	77,100	80,000
DV00000540	Thủy châm điều trị viêm khớp dạng thấp	Lần	77,100	80,000
DV00000541	Thủy châm điều trị thoái hóa khớp	Lần	77,100	80,000
DV00000542	Thủy châm điều trị đau lưng	Lần	77,100	80,000
DV00000543	Thủy châm điều trị đau mỏi cơ	Lần	-	80,000
DV00000544	Thủy châm điều trị viêm quanh khớp vai	Lần	77,100	80,000
DV00000545	Thủy châm điều trị hội chứng vai gáy	Lần	77,100	80,000
DV00000546	Thủy châm điều trị chứng tic	Lần	-	80,000
DV00000547	Thủy châm điều trị rối loạn cảm giác đầu chi	Lần	77,100	80,000
DV00000548	Thủy châm điều trị viêm cơ cứng cơ delta	Lần	-	80,000
DV00000549	Thủy châm điều trị cơn đau quận thận	Lần	-	80,000
DV00000550	Thủy châm điều trị rối loạn đại, tiểu tiện	Lần	77,100	80,000
DV00000551	Thủy châm điều trị táo bón	Lần	77,100	80,000
DV00000552	Thủy châm điều trị rối loạn tiêu hóa	Lần	77,100	80,000
DV00000553	Thủy châm điều trị rối loạn cảm giác	Lần	-	80,000
DV00000554	Thủy châm điều trị đái dầm	Lần	77,100	80,000
DV00000555	Thủy châm điều trị bị đái	Lần	77,100	80,000
DV00000556	Thủy châm điều trị rối loạn thần kinh thực vật	Lần	-	80,000
DV00000557	Thủy châm điều trị béo phì	Lần	-	75,000
DV00000558	Thủy châm điều trị bướu cổ đơn thuần	Lần	-	80,000
DV00000559	Thủy châm điều trị rối loạn chức năng do chấn thương sọ não	Lần	77,100	80,000
DV00000560	Thủy châm điều trị liệt tứ chi do chấn thương cột sống	Lần	77,100	80,000
DV00000561	Thủy châm điều trị giảm đau sau phẫu thuật	Lần	-	80,000
DV00000562	Thủy châm điều trị giảm đau do ung thư	Lần	-	80,000
DV00000563	Thủy châm điều trị đau răng	Lần	77,100	80,000
DV00000564	Thủy châm điều trị hội chứng tiền đình	Lần	77,100	80,000
DV00000565	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt	Lần	-	150,000
DV00000566	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt chi trên	Lần	76,000	150,000
DV00000567	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt chi dưới	Lần	76,000	150,000
DV00000568	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt nửa người	Lần	76,000	150,000
DV00000569	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau thần kinh toa	Lần	76,000	150,000
DV00000570	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt do viêm não	Lần	76,000	150,000
DV00000571	Xoa bóp bấm huyệt điều trị bại não trẻ em	Lần	76,000	150,000
DV00000572	Xoa bóp bấm huyệt điều trị cứng khớp chi trên	Lần	76,000	150,000
DV00000573	Xoa bóp bấm huyệt điều trị cứng khớp chi dưới	Lần	76,000	150,000
DV00000574	Xoa bóp bấm huyệt điều trị choáng ngất	Lần	76,000	150,000
DV00000575	Xoa bóp bấm huyệt điều trị chứng ù tai	Lần	76,000	150,000
DV00000576	Xoa bóp bấm huyệt điều trị giảm khứ giác	Lần	76,000	150,000
DV00000577	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt do bệnh của cơ	Lần	76,000	150,000
DV00000578	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt các dây thần kinh	Lần	-	150,000
DV00000579	Xoa bóp bấm huyệt điều trị teo cơ	Lần	-	150,000
DV00000580	Xoa bóp bấm huyệt điều trị tâm can suy nhược	Lần	76,000	150,000
DV00000581	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng ngoại tháp	Lần	76,000	150,000
DV00000582	Xoa bóp bấm huyệt điều trị động kinh	Lần	-	150,000
DV00000583	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau đầu, đau nửa đầu	Lần	76,000	150,000
DV00000584	Xoa bóp bấm huyệt điều trị mất ngủ	Lần	76,000	150,000
DV00000585	Xoa bóp bấm huyệt điều trị stress	Lần	76,000	150,000
DV00000586	Xoa bóp bấm huyệt điều trị thiếu máu não mạn tính	Lần	76,000	150,000
DV00000587	Xoa bóp bấm huyệt điều trị tổn thương rễ, đám rối và dây thần kinh	Lần	76,000	150,000
DV00000588	Xoa bóp bấm huyệt điều trị tổn thương dây thần kinh V	Lần	76,000	150,000
DV00000589	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt dây thần kinh số VII ngoại biên	Lần	76,000	150,000
DV00000590	Xoa bóp bấm huyệt điều trị sụp mí	Lần	76,000	150,000
DV00000591	Xoa bóp bấm huyệt điều trị viêm thần kinh thị giác sau giai đoạn cấp	Lần	76,000	150,000
DV00000592	Xoa bóp bấm huyệt điều trị lác	Lần	76,000	150,000
DV00000593	Xoa bóp bấm huyệt điều trị giảm thị lực do teo gai thị	Lần	76,000	150,000
DV00000594	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng tiền đình	Lần	76,000	150,000

DV00000595	Xoa bóp bấm huyệt điều trị giảm thính lực	Lần	76,000	150,000
DV00000596	Xoa bóp bấm huyệt điều trị viêm mũi xoang	Lần	76,000	150,000
DV00000597	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hen phế quản	Lần	76,000	150,000
DV00000598	Xoa bóp bấm huyệt điều trị tăng huyết áp	Lần	76,000	150,000
DV00000599	Xoa bóp bấm huyệt điều trị huyết áp thấp	Lần	76,000	150,000
DV00000600	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau vùng ngực	Lần	-	150,000
DV00000601	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau thần kinh liên sườn	Lần	76,000	150,000
DV00000602	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau ngực, sườn	Lần	-	150,000
DV00000603	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau dạ dày	Lần	76,000	150,000
DV00000604	Xoa bóp bấm huyệt điều trị nôn, nấc	Lần	76,000	150,000
DV00000605	Xoa bóp bấm huyệt điều trị viêm khớp dạng thấp	Lần	76,000	150,000
DV00000606	Xoa bóp bấm huyệt điều trị thoái hóa khớp	Lần	76,000	150,000
DV00000607	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau lưng	Lần	76,000	150,000
DV00000608	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau mắt cơ	Lần	-	150,000
DV00000609	Xoa bóp bấm huyệt điều trị viêm quanh khớp vai	Lần	76,000	150,000
DV00000610	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng vai gáy	Lần	76,000	150,000
DV00000611	Xoa bóp bấm huyệt điều trị chứng tic	Lần	76,000	150,000
DV00000612	Xoa bóp bấm huyệt điều trị nôn, nấc	Lần	76,000	150,000
DV00000613	Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn cảm giác đầu chi	Lần	76,000	150,000
DV00000614	Xoa bóp bấm huyệt điều trị viêm cơ cứng cơ delta	Lần	-	150,000
DV00000615	Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn đại, tiểu tiện	Lần	-	150,000
DV00000616	Xoa bóp bấm huyệt điều trị táo bón	Lần	76,000	150,000
DV00000617	Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn tiêu hóa	Lần	76,000	150,000
DV00000618	Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn cảm giác	Lần	76,000	150,000
DV00000619	Xoa bóp bấm huyệt điều trị bị dị vật	Lần	76,000	150,000
DV00000620	Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn thần kinh thực vật	Lần	76,000	150,000
DV00000621	Xoa bóp bấm huyệt điều trị béo phì	Lần	-	120,000
DV00000622	Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn chức năng do chấn thương sọ não	Lần	76,000	150,000
DV00000623	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt tứ chi do chấn thương cột sống	Lần	76,000	150,000
DV00000624	Xoa bóp bấm huyệt điều trị giảm đau sau phẫu thuật	Lần	76,000	150,000
DV00000625	Xoa bóp bấm huyệt điều trị giảm đau do ung thư	Lần	76,000	150,000
DV00000626	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau răng	Lần	-	150,000
DV00000627	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau mắt	Lần	76,000	150,000
DV00000628	Xoa bóp bấm huyệt điều trị sa trực tràng	Lần	-	150,000
DV00000629	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hysteria	Lần	76,000	150,000
DV00000630	Cứu điều trị đau lưng thể hàn	Lần	37,000	60,000
DV00000631	Cứu điều trị đau thần kinh tọa thể hàn	Lần	37,000	60,000
DV00000632	Cứu điều trị đau bụng ỉa chảy thể hàn	Lần	-	60,000
DV00000633	Cứu điều trị liệt thần kinh VII ngoại biên thể hàn	Lần	37,000	60,000
DV00000634	Cứu điều trị đau vai gáy cấp thể hàn	Lần	37,000	60,000
DV00000635	Cứu điều trị ngoại cảm phong hàn	Lần	37,000	60,000
DV00000636	Cứu điều trị liệt thể hàn	Lần	-	60,000
DV00000637	Cứu điều trị liệt chi trên thể hàn	Lần	37,000	60,000
DV00000638	Cứu điều trị liệt chi dưới thể hàn	Lần	37,000	60,000
DV00000639	Cứu điều trị liệt nửa người thể hàn	Lần	37,000	60,000
DV00000640	Cứu điều trị liệt do bệnh của cơ thể hàn	Lần	-	60,000
DV00000641	Cứu điều trị bại não thể hàn	Lần	-	60,000
DV00000642	Cứu điều trị ù tai thể hàn	Lần	-	60,000
DV00000643	Cứu điều trị khản tiếng thể hàn	Lần	37,000	60,000
DV00000644	Cứu điều trị đau đầu, đau nửa đầu thể hàn	Lần	37,000	60,000
DV00000645	Cứu điều trị rối loạn cảm giác đầu chi thể hàn	Lần	37,000	60,000
DV00000646	Cứu điều trị nôn nấc thể hàn	Lần	37,000	60,000
DV00000647	Cứu điều trị rối loạn đại tiểu tiện thể hàn	Lần	-	60,000
DV00000648	Cứu điều trị rối loạn tiêu hóa thể hàn	Lần	37,000	60,000
DV00000649	Cứu điều trị đau mắt thể hàn	Lần	37,000	60,000
DV00000650	Cứu điều trị bị dị vật thể hàn	Lần	37,000	60,000

DV00000651	Cứu điều trị rối loạn thần kinh thực vật thể hàn	Lần	37,000	60,000
DV00000652	Cứu điều trị cảm cúm thể hàn	Lần	37,000	60,000
DV00000653	Laser điều trị	Lần	-	85,000
DV00000654	Laser nội mạch	Lần	58,400	100,000
DV00000655	Giao thoa điện	Lần	-	50,000
DV00000656	Chẩn đoán điện	Lần	-	50,000
DV00000657	Điều trị bằng sóng ngắn và sóng cực ngắn	Lần	41,100	100,000
DV00000658	Điều trị bằng từ trường	Lần	-	80,000
DV00000659	Siêu âm điều trị	Lần	48,700	100,000
DV00000660	Điều trị bằng laser công suất thấp	Lần	-	52,100
DV00000661	Điều trị bằng đắp paraffin	Lần	-	42,400
DV00000662	Kéo cột sống bằng máy	Lần	-	100,000
DV00000663	Chẩn đoán điện thần kinh cơ	Lần	-	100,000
DV00000664	Đo áp lực bàng quang người bệnh tổn thương tủy sống bằng cột thuốc nước	Lần	-	1,000,000
DV00000665	Tập vận động PHCN sau bỏng	Lần	-	200,000
DV00000666	Sử dụng gell silicol điều trị sẹo bỏng	Lần	-	100,000
DV00000667	Tập vận động trên người bệnh đang điều trị bỏng để dự phòng cứng khớp và co kéo chi thể	Lần	-	200,000
DV00000668	Tập vận động để phục hồi khả năng vận động của chi thể sau bỏng	Lần	-	200,000
DV00000669	Điều trị sẹo bỏng bằng điện phân, điện xung kết hợp với thuốc	Lần	-	100,000
DV00000670	Điều trị sẹo bỏng bằng siêu âm kết hợp với thuốc	Lần	-	1,364,685
DV00000671	Điều trị sẹo lồi bằng tiêm corticoid trong sẹo, dưới sẹo	Lần	-	100,000
DV00000672	Điều trị sẹo lồi bằng băng áp lực kết hợp với thuốc làm mềm sẹo và gell silicon	Lần	-	100,000
DV00000673	Điều trị sẹo lồi bằng băng áp lực kết hợp với thuốc làm mềm sẹo, gell silicon và các sản phẩm tế bào	Lần	-	100,000
DV00000674	Vật lý trị liệu sau phẫu thuật bàn tay	Lần	-	200,000
DV00000675	Vật lý trị liệu sau mổ vì phẫu nối thần kinh ngoại biên và mô mềm	Lần	-	200,000
DV00000676	Vật lý trị liệu sau mổ nội soi rách nhóm cơ chòm xoay	Lần	-	200,000
DV00000677	Vật lý trị liệu - PHCN cho người bệnh sau chiếu xạ	Lần	-	200,000
DV00000678	Vật lý trị liệu - PHCN cho người bệnh tay to sau chiếu xạ trong ung thư vú	Lần	-	200,000
DV00000679	Tắm PHCN sau bỏng	Lần	-	900,000
DV00000680	Vật lý trị liệu- PHCN người bệnh thay khớp gối hoàn toàn	Lần	-	200,000
DV00000681	Vật lý trị liệu-PHCN người bệnh thay khớp hông toàn phần	Lần	-	200,000
DV00000682	Đánh giá chung về sự phát triển của trẻ - ASQ	Lần	-	50,000
DV00000683	Đánh giá kỹ năng ngôn ngữ-giao tiếp	Lần	-	120,000
DV00000684	Đánh giá kỹ năng vận động tinh-sinh hoạt hàng ngày	Lần	-	200,000
DV00000685	Đánh giá trẻ tự kỷ DSM-IV	Lần	-	50,000
DV00000686	Đánh giá trẻ tự kỷ CARS	Lần	-	50,000
DV00000687	Xoa bóp bằng máy	Lần	39,000	150,000
DV00000688	Kéo giãn cột sống cổ bằng máy	Lần	-	100,000
DV00000689	Kéo giãn cột sống thắt lưng bằng máy	Lần	-	100,000
DV00000690	Kỹ thuật ABA	Lần	-	120,000
DV00000691	Kỹ năng giao tiếp sớm	Lần	-	120,000
DV00000692	Kỹ năng hiểu và diễn tả bằng ngôn ngữ nói	Lần	-	120,000
DV00000693	Sửa lỗi phát âm	Lần	124,000	150,000
DV00000694	Kỹ năng vận động môi miệng chuẩn bị cho nói	Lần	-	200,000
DV00000695	Kỹ năng hòa nhập xã hội	Lần	-	120,000
DV00000696	Kỹ năng tiền học đường	Lần	-	120,000
DV00000697	Ngôn ngữ trị liệu cả ngày	Lần	-	300,000
DV00000698	Ngôn ngữ trị liệu nửa ngày	Lần	-	200,000
DV00000699	Ngôn ngữ trị liệu theo nhóm 30 phút	Lần	-	300,000
DV00000700	Kỹ năng vận động tinh của bàn tay	Lần	-	200,000
DV00000701	Kỹ năng sinh hoạt hàng ngày (ăn/uống/vệ sinh/thay quần áo...)	Lần	-	100,000
DV00000702	Kỹ năng kiểm soát hàm và nhai nuốt	Lần	-	100,000
DV00000703	Kỹ năng phối hợp tay - mắt	Lần	-	100,000
DV00000704	Kỹ năng kiểm soát tư thế	Lần	-	100,000

DV00000705	Kỹ năng phối hợp các bộ phận cơ thể	Lần	-	100,000
DV00000706	Kỹ năng điều hòa cảm giác	Lần	-	100,000
DV00000707	Kỹ năng sử dụng xe lăn	Lần	-	100,000
DV00000708	Hoạt động trị liệu cả ngày	Lần	-	250,000
DV00000709	Hoạt động trị liệu nửa ngày	Lần	-	120,000
DV00000710	Hoạt động trị liệu theo nhóm 30 phút	Lần	-	300,000
DV00000711	Thủy trị liệu	Lần	-	80,000
DV00000712	Thủy trị liệu có thuốc	Lần	-	80,000
DV00000713	Hoạt động trị liệu	Lần	-	60,000
DV00000714	Ngôn ngữ trị liệu	Lần	-	300,000
DV00000715	Điều trị bằng dòng điện một chiều đều	Lần	-	70,000
DV00000716	Điều trị bằng điện phân thuốc	Lần	48,900	100,000
DV00000717	Điều trị bằng các dòng điện xung	Lần	44,900	44,900
DV00000718	Điều trị bằng tia hồng ngoại	Lần	40,900	40,900
DV00000719	Dẫn lưu tư thể	Lần	-	50,000
DV00000720	Kỹ thuật di động khớp – trượt khớp	Lần	-	50,000
DV00000721	Kỹ thuật kéo giãn	Lần	-	100,000
DV00000722	Đánh giá nguy cơ loét chân ở người bệnh đái tháo đường	Lần	-	50,000
DV00000723	Thông tiểu ngắt quãng trong PHCN tổn thương tủy sống	Lần	162,700	162,700
DV00000724	Điều trị sẹo bóng bằng băng thun áp lực kết hợp với gell silicon	Lần	-	100,000
DV00000725	Điều trị sẹo bóng bằng quần áo áp lực kết hợp với thuốc làm mềm sẹo	Lần	-	100,000
DV00000726	Vật lý trị liệu cho người bệnh đái tháo đường	Lần	-	200,000
DV00000727	Vật lý trị liệu trong tổn thương đám rối thần kinh cánh tay ở trẻ sơ sinh do tai biến sản khoa	Lần	-	200,000
DV00000728	Vật lý trị liệu cho viêm khớp thái dương – hàm	Lần	-	200,000
DV00000729	Vật lý trị liệu - PHCN cho trẻ bị viêm não.	Lần	-	200,000
DV00000730	Vật lý trị liệu - PHCN cho trẻ bị vẹo cổ	Lần	-	200,000
DV00000731	Vật lý trị liệu - PHCN cho trẻ bị dị tật bàn chân khoèo bẩm sinh	Lần	-	200,000
DV00000732	Vật lý trị liệu - PHCN cho trẻ bị vẹo cột sống	Lần	-	200,000
DV00000733	Vật lý trị liệu - PHCN cho trẻ bị bại não thể nhẹ	Lần	-	900,000
DV00000734	Khám-đánh giá người bệnh PHCN xây dựng mục tiêu và phương pháp PHCN	Lần	-	100,000
DV00000735	Tư vấn tâm lý cho người bệnh PHCN	Lần	-	200,000
DV00000736	Vật lý trị liệu -PHCN cho trẻ bị chậm phát triển trí tuệ	Lần	-	200,000
DV00000737	Vật lý trị liệu - PHCN cho người bệnh cứng khớp	Lần	-	200,000
DV00000738	Vật lý trị liệu - PHCN cho trẻ bị bại não thể co cứng	Lần	-	200,000
DV00000739	Vật lý trị liệu - PHCN cho trẻ bị bại não múa vờn	Lần	-	200,000
DV00000740	Vật lý trị liệu-PHCN người bệnh sau mổ thoát vị đĩa đệm cột sống cổ và cột sống thắt lưng	Lần	-	200,000
DV00000741	Đánh giá kỹ năng Vận động thô	Lần	-	200,000
DV00000742	Đánh giá trẻ Bại não	Lần	-	200,000
DV00000743	Đánh giá trẻ Chậm PT trí tuệ	Lần	-	200,000
DV00000744	Vật lý trị liệu hô hấp tại khoa PHCN	Lần	-	200,000
DV00000745	Tập dưỡng sinh	Lần	-	200,000
DV00000746	Xoa bóp cục bộ bằng tay (60 phút)	Lần	51,300	150,000
DV00000747	Xoa bóp toàn thân bằng tay (60 phút)	Lần	64,900	150,000
DV00000748	Chườm lạnh	Lần	-	70,000
DV00000749	Chườm ngải cứu	Lần	-	100,000
DV00000750	Tập vận động có trợ giúp	Lần	-	100,000
DV00000751	Vỗ rung lồng ngực	Lần	-	200,000
DV00000752	Xoa bóp	Lần	-	200,000
DV00000753	Tập ho	Lần	-	31,100
DV00000754	Tập thở	Lần	-	30,100
DV00000755	Hướng dẫn người bệnh ra vào xe lăn tay	Lần	-	100,000
DV00000756	Sử dụng khung, nạng, gậy trong tập đi	Lần	-	100,000
DV00000757	Sử dụng xe lăn	Lần	-	100,000
DV00000758	Kỹ thuật thay đổi tư thế lần trở khi nằm	Lần	-	100,000

DV00000759	Tập vận động chủ động	Lần	-	200,000
DV00000760	Tập vận động có kháng trở	Lần	-	100,000
DV00000761	Tập vận động thụ động	Lần	-	100,000
DV00000762	Đo tâm vận động khớp	Lần	-	100,000
DV00000763	Đắp nóng	Lần	-	70,000
DV00000764	Thử cơ bằng tay	Lần	-	100,000
DV00000765	Điều trị sẹo bóng bằng băng thun áp lực kết hợp với thuốc làm mềm sẹo	Lần	-	100,000
DV00000766	Điều trị sẹo bóng bằng day sẹo- massage sẹo với các thuốc làm mềm sẹo	Lần	-	100,000
DV00000767	Vật lý trị liệu phòng ngừa các biến chứng do bất động	Lần	-	200,000
DV00000768	Vật lý trị liệu điều trị các chứng đau cho sản phụ trong lúc mang thai và sau khi sinh	Lần	-	200,000
DV00000769	Vật lý trị liệu - PHCN cho người bệnh bại liệt	Lần	-	200,000
DV00000770	Vật lý trị liệu - PHCN cho người bệnh tổn thương thần kinh quay	Lần	-	200,000
DV00000771	Vật lý trị liệu - PHCN cho người bệnh tổn thương thần kinh giữa	Lần	-	200,000
DV00000772	Vật lý trị liệu - PHCN cho người bệnh tổn thương thần kinh trụ	Lần	-	200,000
DV00000773	Phục hồi chức năng cho người bệnh mang tay giả	Lần	-	200,000
DV00000774	Vật lý trị liệu - PHCN cho người bệnh tổn thương dây chằng chéo trước khớp gối	Lần	-	200,000
DV00000775	Vật lý trị liệu - PHCN người bệnh tổn thương sun chêm khớp gối	Lần	-	200,000
DV00000776	Vật lý trị liệu -PHCN cho người bệnh sau chấn thương khớp gối	Lần	-	200,000
DV00000777	Vật lý trị liệu -PHCN viêm quanh khớp vai	Lần	-	200,000
DV00000778	Vật lý trị liệu -PHCN trật khớp vai	Lần	-	200,000
DV00000779	Vật lý trị liệu -PHCN gãy xương đòn	Lần	-	200,000
DV00000780	Vật lý trị liệu trong viêm cột sống dính khớp	Lần	-	200,000
DV00000781	Vật lý trị liệu -PHCN sau phẫu thuật chi dưới	Lần	-	200,000
DV00000782	Vật lý trị liệu -PHCN sau phẫu thuật chi trên	Lần	-	200,000
DV00000783	Vật lý trị liệu -PHCN sau phẫu thuật ổ bụng	Lần	-	200,000
DV00000784	Vật lý trị liệu -PHCN sau phẫu thuật lồng ngực	Lần	-	200,000
DV00000785	Phục hồi chức năng vận động người bệnh tai biến mạch máu não	Lần	-	200,000
DV00000786	Phục hồi chức năng và phòng ngừa tàn tật do bệnh phong	Lần	-	200,000
DV00000787	Vật lý trị liệu -PHCN cho người bệnh gãy thân xương đùi	Lần	-	200,000
DV00000788	Vật lý trị liệu -PHCN gãy cổ xương đùi	Lần	-	200,000
DV00000789	Vật lý trị liệu -PHCN gãy trên lõi cầu xương cánh tay	Lần	-	200,000
DV00000790	Vật lý trị liệu -PHCN gãy hai xương cẳng tay	Lần	-	200,000
DV00000791	Vật lý trị liệu -PHCN gãy đầu dưới xương quay	Lần	-	200,000
DV00000792	Vật lý trị liệu -PHCN gãy hai xương cẳng chân	Lần	-	200,000
DV00000793	Vật lý trị liệu -PHCN trong tổn thương thần kinh chày	Lần	-	200,000
DV00000794	Vật lý trị liệu -PHCN tổn thương tủy sống	Lần	-	200,000
DV00000795	Vật lý trị liệu -PHCN trong gãy đầu dưới xương đùi	Lần	-	200,000
DV00000796	Vật lý trị liệu -PHCN sau chấn thương xương chậu	Lần	-	200,000
DV00000797	Phục hồi chức năng cho người bệnh mang chi giả trên gối	Lần	-	200,000
DV00000798	Phục hồi chức năng cho người bệnh mang chi giả dưới gối	Lần	-	200,000
DV00000799	Vật lý trị liệu cho người bệnh áp xe phổi	Lần	-	200,000
DV00000800	Phòng ngừa và xử trí loét do đè ép	Lần	-	200,000
DV00000801	Phục hồi chức năng cho người bệnh động kinh	Lần	-	200,000
DV00000802	Vật lý trị liệu -PHCN cho người bệnh chấn thương sọ não	Lần	-	200,000
DV00000803	Vật lý trị liệu người bệnh lao phổi	Lần	-	200,000
DV00000804	Vật lý trị liệu -PHCN trong vẹo cổ cấp	Lần	-	200,000
DV00000805	Vật lý trị liệu trong suy tim	Lần	-	200,000
DV00000806	Vật lý trị liệu cho người bệnh tràn dịch màng phổi	Lần	-	200,000
DV00000807	Vật lý trị liệu sau phẫu thuật van tim	Lần	-	200,000
DV00000808	Vật lý trị liệu-PHCN cho người bệnh teo cơ tiến triển	Lần	-	200,000
DV00000809	Tập vận động PHCN cho người bệnh đái tháo đường phòng ngừa biến chứng	Lần	-	200,000
DV00000810	Vật lý trị liệu trong viêm tắc động mạch chi dưới	Lần	-	200,000
DV00000811	Vật lý trị liệu-PHCN người bệnh bóng	Lần	-	200,000
DV00000812	Vật lý trị liệu-PHCN người bệnh vá da	Lần	-	200,000

DV00000813	Vật lý trị liệu-PHCN trong giãn tĩnh mạch	Lần	-	200,000
DV00000814	Phục hồi chức năng thoái hóa khớp (cột sống cổ - lưng)	Lần	-	200,000
DV00000815	Phục hồi chức năng cho người bệnh viêm khớp dạng thấp	Lần	-	200,000
DV00000816	Phục hồi chức năng cho người bệnh đau lưng	Lần	-	200,000
DV00000817	Vật lý trị liệu-phục hồi chức năng cho người bệnh hội chứng đuôi ngựa	Lần	-	200,000
DV00000818	Vật lý trị liệu- PHCN cho người bệnh đau thần kinh tọa	Lần	-	200,000
DV00000819	Vật lý trị liệu-PHCN cho người bệnh liệt dây VII ngoại biên	Lần	-	200,000
DV00000820	Xoa bóp bấm huyệt/kéo nắn cột sống, các khớp	Lần	-	200,000
DV00000821	Xoa bóp đầu mặt cổ, vai gáy, tay	Lần	-	200,000
DV00000822	Xoa bóp lưng, chân	Lần	-	200,000
DV00000823	Xoa bóp	Lần	-	200,000
DV00000824	Xoa bóp tại giường bệnh cho người bệnh nội trú các khoa	Lần	-	200,000
DV00000825	Tập do cứng khớp	Lần	-	200,000
DV00000826	Tập do liệt ngoại biên người bệnh liệt nửa người, liệt các chi, tổn thương hệ vận động	Lần	-	200,000
DV00000827	Tập do liệt thần kinh trung ương	Lần	-	200,000
DV00000828	Tập vận động đoạn chi 30 phút	Lần	-	100,000
DV00000829	Tập vận động đoạn chi 15 phút	Lần	-	200,000
DV00000830	Tập vận động toàn thân 30 phút	Lần	-	100,000
DV00000831	Tập vận động toàn thân 15 phút	Lần	-	200,000
DV00000832	Tập vận động cột sống	Lần	-	200,000
DV00000833	Tập KT tạo thuận VD cho trẻ (lấy, ngồi, bò, đứng, đi.....)	Lần	-	200,000
DV00000834	Tập cho trẻ bị Xơ hóa cơ	Lần	-	200,000
DV00000835	Tập cho trẻ dị tật tay/ chân	Lần	-	200,000
DV00000836	Tập vận động tại giường	Lần	-	200,000
DV00000837	Tập luyện với ghế tập cơ 4 đầu đùi	Lần	-	100,000
DV00000838	Tập với hệ thống ròng rọc	Lần	-	100,000
DV00000839	Tập với xe đạp tập	Lần	-	100,000
DV00000840	Tập với xe lăn	Lần	-	100,000
DV00000841	Vật lý trị liệu chỉnh hình	Lần	-	200,000
DV00000842	Vật lý trị liệu hô hấp tại giường bệnh	Lần	-	200,000
DV00000843	Điều trị rối loạn đại tiện, tiểu tiện bằng phản hồi sinh học	Lần	-	500,000
DV00000844	Thang tường	Lần	-	3,300,000
DV00000845	Thanh song song	Lần	-	6,900,000
DV00000847	Khung tập đi	Lần	-	2,800,000
DV00000848	Dụng cụ tập sắp ngửa cổ tay	Lần	-	50,000
DV00000849	Dụng cụ tập cổ chân	Lần	-	50,000
DV00000850	Dụng cụ tập khớp cổ tay	Lần	-	50,000
DV00000851	Bàn tập mạnh cơ tứ đầu đùi	Lần	-	50,000
DV00000852	Xe đạp	Lần	-	1,890,000
DV00000853	Nạng nách	Lần	-	230,000
DV00000854	Nạng khuỷu	Lần	-	400,000
DV00000855	Gậy tập	Lần	-	240,000
DV00000856	Nẹp khớp gối	Lần	-	350,000
DV00000857	Máng đỡ bàn tay	Lần	-	50,000
DV00000858	Các dụng cụ tập sự khéo léo của bàn tay	Lần	-	800,000
DV00000868	Dự phòng tắc tĩnh mạch sau phẫu thuật, sau chấn thương	Lần	-	397,000
DV00000869	Thay băng điều trị vết thương mãn tính	Lần	-	260,000
DV00000870	Ngâm rửa điều trị vết thương mãn tính	Lần	-	250,000
DV00000871	Hút áp lực âm (VAC) liên tục trong 24 giờ điều trị vết thương mãn tính	Lần	-	300,000
DV00000872	Hút áp lực âm (VAC) liên tục trong 48 giờ điều trị vết thương mãn tính	Lần	-	300,000
DV00000873	Phong bế ngoài màng cứng	Lần	-	1,032,200
DV00000874	Chọc dịch màng bụng	Lần	153,700	333,582
DV00000875	Dẫn lưu dịch màng bụng	Lần	-	333,582
DV00000876	Thụt tháo phân	Lần	92,400	169,470
DV00000877	Đặt sonde hậu môn	Lần	92,400	169,470

DV00000878	Chọc dịch khớp	Lần	129,600	309,096
DV00000879	Tiêm chất nhờn vào khớp	Lần	-	296,200
DV00000880	Tiêm corticoide vào khớp	Lần	104,400	296,200
DV00000881	Tiêm thuốc ngoài màng cứng	Lần	-	1,336,000
DV00000882	Điều trị chứng loạn trương lực cơ toàn thể hoặc cục bộ (ví dụ vùng cổ gáy) bằng tiêm Dysport (Botulium)	Lần	-	1,400,000
DV00000883	Điều trị chứng co thắt nửa mặt bằng tiêm Dysport	Lần	-	1,400,000
DV00000884	Điều trị chứng tăng trương lực cơ di chứng sau tai biến mạch máu não bằng tiêm Dysport	Lần	-	1,400,000
DV00000885	Điều trị chứng tăng trương lực cơ di chứng do bại não bằng tiêm Dysport	Lần	-	1,400,000
DV00000886	Điều trị chứng giât mí mắt bằng tiêm Dysport (Botulium)	Lần	-	1,400,000
DV00000887	Test lấy da (Prick test) với các loại thuốc	Lần	-	383,000
DV00000888	Lấy bệnh phẩm hong để chẩn đoán các bệnh nhiễm trùng	Lần	-	50,000
DV00000889	Lấy bệnh phẩm trực tràng để chẩn đoán các bệnh nhiễm trùng	Lần	-	50,000
DV00000890	Tiêm trong da	Lần	15,100	15,100
DV00000891	Tiêm dưới da	Lần	15,100	53,500
DV00000892	Tiêm bắp thịt	Lần	15,100	53,500
DV00000893	Tiêm tĩnh mạch	Lần	15,100	15,100
DV00000894	Truyền tĩnh mạch	Lần	25,100	25,100
DV00000895	Điều trị giảm đau cho bệnh nhân ung thư	Lần	-	1,100,000
DV00000896	Điều trị bằng tia tử ngoại toàn thân	Lần	-	70,000
DV00000897	Điều trị bằng tia hồng ngoại toàn thân	Lần	-	500,000
DV00000898	ánh sáng xanh trị liệu	Lần	-	500,000
DV00000899	Chăm sóc da điều trị	Lần	-	500,000
DV00000900	Chăm sóc da thẩm mỹ	Lần	-	500,000
DV00000901	Điều trị bệnh da bằng ngâm, tắm	Lần	-	85,000
DV00000902	Xông hơi nước, ozon	Lần	-	500,000
DV00000903	Điều trị bệnh da bằng ngâm, tắm	Lần	-	85,000
DV00000904	Đắp mặt nạ điều trị bệnh da	Lần	-	500,000
DV00000905	Chăm sóc da điều trị bệnh da	Lần	-	500,000
DV00000906	Điều trị rụng tóc bằng tiêm Triamcinolon dưới da	Lần	-	1,226,220
DV00000907	Điều trị sẹo lồi bằng tiêm Triamcinolon trong thương tổn	Lần	-	1,226,220
DV00000908	Điều trị sẹo lõm bằng TCA (trichloacetic acid)	Lần	-	1,226,220
DV00000909	Điều trị u mềm lây bằng nạo thương tổn	Lần	-	559,496
DV00000910	Trẻ hoá da bằng tiêm Botulinum toxin	Lần	-	1,400,000
DV00000911	Vật lý trị liệu cho bệnh nhân phong trước và sau phẫu thuật tay	Lần	-	200,000
DV00000912	Vật lý trị liệu cho bệnh nhân phong trước và sau phẫu thuật chân	Lần	-	200,000
DV00000913	Vật lý trị liệu cho bệnh nhân phong trước và sau phẫu thuật mắt thỏ	Lần	-	200,000
DV00000914	Vật lý trị liệu cho bệnh nhân xơ cứng bì	Lần	-	200,000
DV00000915	Thang đánh giá sự phát triển ở trẻ em (DENVER II)	Lần	40,600	100,000
DV00000916	Thang sàng lọc tự kỷ cho trẻ nhỏ 18 - 36 tháng (CHAT)	Lần	40,600	100,000
DV00000917	Thang đánh giá mức độ tự kỷ (CARS)	Lần	40,600	100,000
DV00000919	Liệu pháp thư giãn luyện tập	Lần	-	500,000
DV00000920	Liệu pháp tâm lý nhóm	Lần	-	500,000
DV00000921	Liệu pháp tâm lý gia đình	Lần	-	500,000
DV00000922	Liệu pháp tâm kích	Lần	-	500,000
DV00000923	Tư vấn tâm lý cho người bệnh và gia đình	Lần	-	500,000
DV00000924	Liệu pháp giải thích hợp lý	Lần	-	500,000
DV00000925	Liệu pháp hành vi	Lần	-	500,000
DV00000926	Liệu pháp ám thị	Lần	-	500,000
DV00000927	Liệu pháp nhận thức hành vi	Lần	-	500,000
DV00000928	Liệu pháp nhận thức	Lần	-	500,000
DV00000929	Liệu pháp tâm lý động	Lần	-	500,000
DV00000930	Liệu pháp kích hoạt hành vi (BA)	Lần	-	500,000
DV00000931	Liệu pháp âm nhạc	Lần	-	500,000
DV00000932	Liệu pháp hội họa	Lần	-	500,000

DV00000933	Liệu pháp thể dục, thể thao	Lần	-	500,000
DV00000934	Liệu pháp tái thích ứng xã hội	Lần	-	500,000
DV00000935	Liệu pháp lao động	Lần	-	500,000
DV00000936	Hào châm	Lần	76,300	100,000
DV00000937	Mãng châm	Lần	83,300	83,300
DV00000938	Nhĩ châm	Lần	-	100,000
DV00000939	Điện châm [kim ngắn]	Lần	78,300	78,300
DV00000940	Thủy châm	Lần	77,100	77,100
DV00000941	Cây chỉ	Lần	156,400	300,000
DV00000942	Ốn châm	Lần	83,300	100,000
DV00000943	Cứu	Lần	37,000	60,000
DV00000944	Chích lẻ	Lần	76,300	100,000
DV00000945	Laser châm	Lần	52,100	100,000
DV00000946	Kéo nắn cột sống cổ	Lần	-	100,000
DV00000947	Kéo nắn cột sống thắt lưng	Lần	-	100,000
DV00000949	Xông thuốc bằng máy	Lần	-	100,000
DV00000950	Xông hơi thuốc	Lần	-	100,000
DV00000952	Ngâm thuốc YHCT toàn thân	Lần	-	200,000
DV00000953	Ngâm thuốc YHCT bộ phận	Lần	-	54,800
DV00000954	Đặt thuốc YHCT	Lần	-	100,000
DV00000956	Chườm ngải	Lần	37,000	100,000
DV00000957	Luyện tập dưỡng sinh	Lần	-	33,400
DV00000958	Điện mỗng châm điều trị hội chứng thắt lưng- hông	Lần	85,300	85,300
DV00000959	Điện mỗng châm điều trị liệt nửa người do tai biến mạch máu não	Lần	85,300	85,300
DV00000960	Điện mỗng châm phục hồi chức năng vận động cho trẻ bại liệt	Lần	85,300	100,000
DV00000961	Điện mỗng châm điều trị liệt do bệnh cơ ở trẻ em	Lần	85,300	85,300
DV00000962	Điện mỗng châm điều trị liệt do tổn thương đám rối thần kinh cánh tay ở trẻ em	Lần	85,300	85,300
DV00000963	Điện mỗng châm điều trị hội chứng vai gáy	Lần	85,300	85,300
DV00000964	Điện mỗng châm điều trị liệt chi trên	Lần	85,300	85,300
DV00000965	Điện mỗng châm điều trị liệt chi dưới	Lần	85,300	85,300
DV00000966	Điện mỗng châm điều trị	Lần	85,300	100,000
DV00000967	Điện mỗng châm điều trị đau lưng	Lần	85,300	85,300
DV00000968	Điện nhĩ châm điều trị hội chứng tiền đình	Lần	78,300	100,000
DV00000969	Điện nhĩ châm điều trị hội chứng vai gáy	Lần	78,300	100,000
DV00000970	Điện nhĩ châm điều trị hen phế quản	Lần	78,300	100,000
DV00000971	Điện nhĩ châm điều trị huyết áp thấp	Lần	78,300	100,000
DV00000972	Điện nhĩ châm điều trị liệt dây VII ngoại biên	Lần	78,300	100,000
DV00000973	Điện nhĩ châm điều trị tắc tia sữa	Lần	78,300	100,000
DV00000974	Điện nhĩ châm điều trị thiếu năng tuần hoàn não mạn tính	Lần	78,300	100,000
DV00000975	Điện nhĩ châm điều trị đau đầu đau, đau nửa đầu	Lần	78,300	100,000
DV00000976	Điện nhĩ châm điều trị mất ngủ	Lần	78,300	100,000
DV00000977	Điện nhĩ châm điều trị hội chứng stress	Lần	78,300	100,000
DV00000978	Điện nhĩ châm điều trị nôn	Lần	78,300	100,000
DV00000979	Điện nhĩ châm điều trị nấc	Lần	78,300	100,000
DV00000980	Điện nhĩ châm điều trị cảm mạo	Lần	78,300	100,000
DV00000981	Điện nhĩ châm điều trị béo phì	Lần	-	80,000
DV00000982	Điện nhĩ châm điều trị liệt nửa người do tai biến mạch máu não	Lần	78,300	100,000
DV00000983	Điện nhĩ châm điều trị hội chứng đa dày-tá trắng	Lần	78,300	100,000
DV00000984	Điện nhĩ châm phục hồi chức năng cho trẻ bại liệt	Lần	78,300	100,000
DV00000985	Điện nhĩ châm điều trị giảm thính lực	Lần	78,300	100,000
DV00000986	Điện nhĩ châm điều trị chậm phát triển trí tuệ ở trẻ bại não	Lần	78,300	100,000
DV00000987	Điện nhĩ châm điều trị phục hồi chức năng ở trẻ bại não	Lần	78,300	100,000
DV00000988	Điện nhĩ châm điều trị viêm bàng quang	Lần	78,300	100,000
DV00000989	Điện nhĩ châm điều trị điếc	Lần	78,300	100,000
DV00000990	Điện nhĩ châm điều trị liệt dương	Lần	78,300	100,000
DV00000991	Điện nhĩ châm điều trị rối loạn tiểu tiện	Lần	78,300	100,000

DV00000992	Điện nhĩ châm điều trị bí đái cơ năng	Lần	78,300	100,000
DV00000993	Điện nhĩ châm điều trị cơn động kinh cục bộ	Lần	78,300	100,000
DV00000994	Điện nhĩ châm điều trị sa tử cung	Lần	78,300	100,000
DV00000995	Điện nhĩ châm điều trị hội chứng tiền mãn kinh	Lần	78,300	100,000
DV00000996	Điện nhĩ châm điều trị thất vận ngôn	Lần	78,300	100,000
DV00000997	Điện nhĩ châm điều trị đau dây thần kinh V	Lần	78,300	100,000
DV00000998	Điện nhĩ châm điều trị liệt tứ chi do chấn thương cột sống	Lần	78,300	100,000
DV00000999	Điện nhĩ châm điều trị rối loạn thần kinh chức năng sau chấn thương sọ não	Lần	78,300	100,000
DV00001000	Điện nhĩ châm điều trị khản tiếng	Lần	78,300	100,000
DV00001001	Điện nhĩ châm điều trị rối loạn cảm giác đầu chi	Lần	78,300	100,000
DV00001002	Điện nhĩ châm điều trị liệt chi trên	Lần	78,300	100,000
DV00001003	Điện nhĩ châm điều trị liệt chi dưới	Lần	78,300	100,000
DV00001004	Điện nhĩ châm điều trị thông kinh	Lần	78,300	100,000
DV00001005	Điện nhĩ châm điều trị rối loạn kinh nguyệt	Lần	78,300	100,000
DV00001006	Điện nhĩ châm điều trị đau hồ mắt	Lần	78,300	100,000
DV00001007	Điện nhĩ châm điều trị viêm kết mạc	Lần	78,300	100,000
DV00001008	Điện nhĩ châm điều trị viêm thần kinh thị giác sau giai đoạn cấp	Lần	78,300	100,000
DV00001009	Điện nhĩ châm điều trị giảm thị lực	Lần	78,300	100,000
DV00001010	Điện nhĩ châm điều trị táo bón kéo dài	Lần	78,300	100,000
DV00001011	Điện nhĩ châm điều trị viêm mũi xoang	Lần	78,300	100,000
DV00001012	Điện nhĩ châm điều trị đái dầm	Lần	-	100,000
DV00001013	Điện nhĩ châm điều trị rối loạn tiêu hóa	Lần	78,300	100,000
DV00001014	Điện nhĩ châm điều trị đau răng	Lần	78,300	100,000
DV00001015	Điện nhĩ châm điều trị viêm khớp dạng thấp	Lần	78,300	100,000
DV00001016	Điện nhĩ châm điều trị viêm quanh khớp vai	Lần	78,300	100,000
DV00001017	Điện nhĩ châm điều trị đau do thoái hóa khớp	Lần	78,300	100,000
DV00001018	Điện nhĩ châm điều trị đau lưng	Lần	78,300	100,000
DV00001019	Điện nhĩ châm điều trị ù tai	Lần	78,300	100,000
DV00001020	Điện nhĩ châm điều trị giảm khứu giác	Lần	78,300	100,000
DV00001021	Điện nhĩ châm điều trị liệt rẽ, đăm rối dây thần kinh	Lần	78,300	100,000
DV00001022	Điện nhĩ châm điều trị rối loạn cảm giác nông	Lần	78,300	100,000
DV00001023	Điện nhĩ châm điều trị rối loạn thần kinh thực vật	Lần	78,300	100,000
DV00001024	Điện nhĩ châm điều trị giảm đau do ung thư	Lần	78,300	100,000
DV00001025	Điện nhĩ châm điều trị giảm đau do Zona	Lần	78,300	100,000
DV00001026	Điện nhĩ châm điều trị viêm đa rẽ, đa dây thần kinh	Lần	78,300	100,000
DV00001027	Điện nhĩ châm điều trị chứng tic cơ mặt	Lần	78,300	100,000
DV00001028	Cây chỉ điều trị liệt nửa người do tai biến mạch máu não	Lần	156,400	300,000
DV00001029	Cây chỉ điều trị tâm căn suy nhược	Lần	156,400	300,000
DV00001030	Cây chỉ điều trị viêm mũi dị ứng	Lần	156,400	300,000
DV00001031	Cây chỉ điều trị sa dạ dày	Lần	156,400	300,000
DV00001032	Cây chỉ châm điều trị hội chứng dạ dày- tá tràng	Lần	156,400	300,000
DV00001033	Cây chỉ điều trị máy day	Lần	156,400	300,000
DV00001034	Cây chỉ hỗ trợ điều trị vảy nến	Lần	156,400	300,000
DV00001035	Cây chỉ điều trị giảm thính lực	Lần	156,400	300,000
DV00001036	Cây chỉ điều trị giảm thị lực	Lần	156,400	300,000
DV00001037	Cây chỉ điều trị liệt do tổn thương đăm rối cánh tay ở trẻ em	Lần	156,400	300,000
DV00001038	Cây chỉ điều trị chậm phát triển trí tuệ ở trẻ bại não	Lần	156,400	300,000
DV00001039	Cây chỉ châm điều trị phục hồi chức năng vận động ở trẻ bại não	Lần	156,400	300,000
DV00001040	Cây chỉ điều trị hội chứng thất lưng- hông	Lần	156,400	300,000
DV00001041	Cây chỉ điều trị đau đầu, đau nửa đầu	Lần	156,400	300,000
DV00001042	Cây chỉ điều trị mất ngủ	Lần	156,400	300,000
DV00001043	Cây chỉ điều trị nấc	Lần	156,400	300,000
DV00001044	Cây chỉ điều trị hội chứng tiền đình	Lần	156,400	300,000
DV00001045	Cây chỉ điều trị hội chứng vai gáy	Lần	156,400	300,000
DV00001046	Cây chỉ điều trị hen phế quản	Lần	156,400	300,000
DV00001047	Cây chỉ điều trị huyết áp thấp	Lần	156,400	300,000

DV00001048	Cây chỉ điều trị liệt dây thần kinh VII ngoại biên	Lần	156,400	300,000
DV00001049	Cây chỉ điều trị thiếu năng tuần hoàn não mạn tính	Lần	156,400	300,000
DV00001050	Cây chỉ điều trị đau thần kinh liên sườn	Lần	156,400	300,000
DV00001051	Cây chỉ điều trị thất vận ngôn	Lần	156,400	300,000
DV00001052	Cây chỉ điều trị liệt tứ chi do chấn thương cột sống	Lần	156,400	300,000
DV00001053	Cây chỉ điều trị rối loạn thần kinh chức năng sau chấn thương sọ não	Lần	156,400	300,000
DV00001054	Cây chỉ điều trị hội chứng ngoại tháp	Lần	156,400	300,000
DV00001055	Cây chỉ điều trị khản tiếng	Lần	156,400	300,000
DV00001056	Cây chỉ điều trị liệt chi trên	Lần	156,400	300,000
DV00001057	Cây chỉ điều trị liệt chi dưới	Lần	156,400	300,000
DV00001058	Cây chỉ điều trị viêm mũi xoang	Lần	156,400	300,000
DV00001059	Cây chỉ điều trị rối loạn tiêu hóa	Lần	156,400	300,000
DV00001060	Cây chỉ điều trị táo bón kéo dài	Lần	156,400	300,000
DV00001061	Cây chỉ hỗ trợ điều trị viêm khớp dạng thấp	Lần	156,400	300,000
DV00001062	Cây chỉ điều trị viêm quanh khớp vai	Lần	156,400	300,000
DV00001063	Cây chỉ điều trị đau do thoái hóa khớp	Lần	156,400	300,000
DV00001064	Cây chỉ điều trị đau lưng	Lần	156,400	300,000
DV00001065	Cây chỉ điều trị dai dăm	Lần	156,400	300,000
DV00001066	Cây chỉ điều trị con đồng kinh cục bộ	Lần	156,400	300,000
DV00001067	Cây chỉ điều trị rối loạn kinh nguyệt	Lần	156,400	300,000
DV00001068	Cây chỉ điều trị đau bụng kinh	Lần	156,400	300,000
DV00001069	Cây chỉ điều trị sa tử cung	Lần	156,400	300,000
DV00001070	Cây chỉ điều trị hội chứng tiền mãn kinh	Lần	156,400	300,000
DV00001071	Cây chỉ điều trị di tinh	Lần	156,400	300,000
DV00001072	Cây chỉ điều trị liệt dương	Lần	156,400	300,000
DV00001073	Cây chỉ điều trị rối loạn tiểu tiện không tự chủ	Lần	156,400	300,000
DV00001074	Điện châm điều trị hội chứng tiền đình	Lần	78,300	100,000
DV00001075	Điện châm điều trị huyết áp thấp	Lần	78,300	78,300
DV00001076	Điện châm điều trị thiếu năng tuần hoàn não mạn tính	Lần	78,300	78,300
DV00001077	Điện châm điều trị hội chứng stress	Lần	78,300	78,300
DV00001078	Điện châm điều trị cảm mạo	Lần	78,300	100,000
DV00001079	Điện châm điều trị trĩ	Lần	78,300	100,000
DV00001080	Điện châm điều trị phục hồi chức năng cho trẻ bại liệt	Lần	78,300	100,000
DV00001081	Điện châm điều trị liệt tay do tổn thương đám rối cánh tay ở trẻ em	Lần	78,300	78,300
DV00001082	Điện châm điều trị chậm phát triển trí tuệ ở trẻ bại não	Lần	78,300	100,000
DV00001083	Điện châm điều trị phục hồi chức năng vận động ở trẻ bại não	Lần	78,300	100,000
DV00001084	Điện châm điều trị rối loạn tiểu tiện	Lần	78,300	78,300
DV00001085	Điện châm điều trị bí đại cơ năng	Lần	78,300	78,300
DV00001086	Điện châm điều trị sa tử cung	Lần	78,300	100,000
DV00001087	Điện châm điều trị hội chứng tiền mãn kinh	Lần	78,300	78,300
DV00001088	Điện châm điều trị liệt tứ chi do chấn thương cột sống	Lần	78,300	100,000
DV00001089	Điện châm điều trị rối loạn thần kinh chức năng sau chấn thương sọ não	Lần	78,300	78,300
DV00001090	Điện châm điều trị rối loạn cảm giác đầu chi	Lần	78,300	78,300
DV00001091	Điện châm điều trị liệt chi trên	Lần	78,300	78,300
DV00001092	Điện châm điều trị chấp leo	Lần	78,300	100,000
DV00001093	Điện châm điều trị đau hồ mắt	Lần	78,300	78,300
DV00001094	Điện châm điều trị viêm thần kinh thị giác sau giai đoạn cấp	Lần	78,300	78,300
DV00001095	Điện châm điều trị lác cơ năng	Lần	78,300	100,000
DV00001096	Điện châm điều trị rối loạn cảm giác nông	Lần	78,300	78,300
DV00001097	Điện châm điều trị viêm mũi xoang	Lần	78,300	78,300
DV00001098	Điện châm điều trị rối loạn tiêu hóa	Lần	-	78,300
DV00001099	Điện châm điều trị đau răng	Lần	78,300	100,000
DV00001100	Điện châm điều trị đau do thoái hóa khớp	Lần	78,300	78,300
DV00001101	Điện châm điều trị ù tai	Lần	78,300	78,300
DV00001102	Điện châm điều trị liệt do tổn thương đám rối dây thần kinh	Lần	78,300	78,300
DV00001103	Điện châm điều trị rối loạn thần kinh thực vật	Lần	78,300	78,300

DV00001104	Điện châm điều trị giảm đau do ung thư	Lần	78,300	78,300
DV00001105	Điện châm điều trị giảm đau do zona	Lần	78,300	100,000
DV00001106	Điện châm điều trị liệt do viêm đa rễ, đa dây thần kinh	Lần	78,300	78,300
DV00001107	Điện châm điều trị chứng tic cơ mặt	Lần	78,300	78,300
DV00001108	Thủy châm điều trị hội chứng thắt lưng- hông	Lần	77,100	77,100
DV00001109	Thủy châm điều trị đau đầu, đau nửa đầu	Lần	77,100	77,100
DV00001110	Thủy châm điều trị mất ngủ	Lần	77,100	77,100
DV00001111	Thủy châm điều trị hội chứng stress	Lần	77,100	77,100
DV00001112	Thủy châm điều trị nấc	Lần	77,100	77,100
DV00001113	Thủy châm điều trị cảm mạo, cúm	Lần	77,100	80,000
DV00001114	Thủy châm điều trị viêm amydan	Lần	77,100	80,000
DV00001115	Thủy châm điều trị béo phì	Lần	-	75,000
DV00001116	Thủy châm điều trị liệt nửa người do tai biến mạch máu não	Lần	77,100	77,100
DV00001117	Thủy châm điều trị hội chứng dạ dày tá tràng	Lần	77,100	77,100
DV00001118	Thủy châm điều trị sa dạ dày	Lần	77,100	80,000
DV00001119	Thủy châm điều trị trĩ	Lần	77,100	77,100
DV00001120	Thủy châm hỗ trợ điều trị bệnh vẩy nến	Lần	77,100	80,000
DV00001121	Thủy châm điều trị mày đay	Lần	77,100	80,000
DV00001122	Thủy châm điều trị bệnh viêm mũi dị ứng	Lần	77,100	77,100
DV00001123	Thủy châm điều trị tâm căn suy nhược	Lần	77,100	77,100
DV00001124	Thủy châm điều trị bại liệt trẻ em	Lần	77,100	80,000
DV00001125	Thủy châm điều trị giảm thính lực	Lần	77,100	80,000
DV00001126	Thủy châm điều trị liệt trẻ em	Lần	77,100	77,100
DV00001127	Thủy châm điều trị liệt do tổn thương đám rối cánh tay ở trẻ em	Lần	77,100	77,100
DV00001128	Thủy châm điều trị chậm phát triển trí tuệ ở trẻ bại não	Lần	77,100	80,000
DV00001129	Thủy châm điều trị phục hồi chức năng vận động ở trẻ bại não	Lần	77,100	80,000
DV00001130	Thủy châm điều trị con động kinh cục bộ	Lần	77,100	80,000
DV00001131	Thủy châm điều trị sa tử cung	Lần	77,100	80,000
DV00001132	Thủy châm điều trị hội chứng tiền mãn kinh	Lần	77,100	77,100
DV00001133	Thủy châm điều trị thống kinh	Lần	77,100	77,100
DV00001134	Thủy châm điều trị rối loạn kinh nguyệt	Lần	77,100	77,100
DV00001135	Thủy châm điều trị đái dầm	Lần	77,100	77,100
DV00001136	Thủy châm điều trị hội chứng tiền đình	Lần	77,100	77,100
DV00001137	Thủy châm điều trị đau vai gáy	Lần	77,100	77,100
DV00001138	Thủy châm điều trị hen phế quản	Lần	77,100	80,000
DV00001139	Thủy châm điều trị huyết áp thấp	Lần	77,100	77,100
DV00001140	Thủy châm điều trị thiếu năng tuần hoàn não mạn tính	Lần	77,100	77,100
DV00001141	Thủy châm điều trị liệt dây thần kinh VII ngoại biên	Lần	77,100	77,100
DV00001142	Thủy châm điều trị đau dây thần kinh liên sườn	Lần	77,100	77,100
DV00001143	Thủy châm điều trị thất vận ngôn	Lần	77,100	80,000
DV00001144	Thủy châm điều trị đau dây V	Lần	77,100	77,100
DV00001145	Thủy châm điều trị đau liệt tứ chi do chấn thương cột sống	Lần	77,100	77,100
DV00001146	Thủy châm điều trị loạn chức năng do chấn thương sọ não	Lần	77,100	77,100
DV00001147	Thủy châm điều trị hội chứng ngoại tháp	Lần	77,100	77,100
DV00001148	Thủy châm điều trị khàn tiếng	Lần	77,100	80,000
DV00001149	Thủy châm điều trị rối loạn cảm giác đầu chi	Lần	77,100	77,100
DV00001150	Thủy châm điều trị liệt chi trên	Lần	77,100	77,100
DV00001151	Thủy châm điều trị liệt hai chi dưới	Lần	77,100	77,100
DV00001152	Thủy châm điều trị sụp mí	Lần	77,100	77,100
DV00001153	Thủy châm hỗ trợ điều trị nghiện rượu	Lần	-	75,000
DV00001154	Thủy châm điều trị viêm mũi xoang	Lần	77,100	80,000
DV00001155	Thủy châm điều trị rối loạn tiêu hóa	Lần	77,100	80,000
DV00001156	Thủy châm điều trị đau răng	Lần	77,100	80,000
DV00001157	Thủy châm điều trị táo bón kéo dài	Lần	77,100	80,000
DV00001158	Thủy châm hỗ trợ điều trị viêm khớp dạng thấp	Lần	77,100	77,100
DV00001159	Thủy châm điều trị đau do thoái hóa khớp	Lần	77,100	77,100

DV00001160	Thủy châm điều trị viêm quanh khớp vai	Lần	77,100	77,100
DV00001161	Thủy châm điều trị đau lưng	Lần	77,100	77,100
DV00001162	Thủy châm điều trị sụp mí	Lần	77,100	77,100
DV00001163	Thủy châm điều trị đau hố mắt	Lần	77,100	80,000
DV00001164	Thủy châm điều trị viêm thần kinh thị giác sau giai đoạn cấp	Lần	77,100	80,000
DV00001165	Thủy châm điều trị lác cơ năng	Lần	77,100	80,000
DV00001166	Thủy châm điều trị giảm thị lực	Lần	77,100	80,000
DV00001167	Thủy châm điều trị viêm bàng quang	Lần	77,100	80,000
DV00001168	Thủy châm điều trị di tinh	Lần	77,100	80,000
DV00001169	Thủy châm điều trị liệt dương	Lần	77,100	80,000
DV00001170	Thủy châm điều trị rối loạn tiểu tiện	Lần	77,100	77,100
DV00001171	Thủy châm điều trị bí đại cơ năng	Lần	77,100	77,100
DV00001172	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt chi trên	Lần	76,000	150,000
DV00001173	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt chi dưới	Lần	76,000	150,000
DV00001174	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt nửa người do tai biến mạch máu não	Lần	76,000	150,000
DV00001175	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng thắt lưng- hông	Lần	76,000	150,000
DV00001176	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt do viêm não	Lần	76,000	150,000
DV00001177	Xoa bóp bấm huyệt điều trị chậm phát triển trí tuệ ở trẻ bại não	Lần	76,000	150,000
DV00001178	Xoa bóp bấm huyệt phục hồi chức năng vận động ở trẻ bại não	Lần	76,000	150,000
DV00001179	Xoa bóp bấm huyệt điều trị cứng khớp chi trên	Lần	76,000	150,000
DV00001180	Xoa bóp bấm huyệt điều trị cứng khớp chi dưới	Lần	76,000	150,000
DV00001181	Xoa bóp bấm huyệt điều trị choáng, ngất	Lần	76,000	150,000
DV00001182	Xoa bóp bấm huyệt điều trị chứng ù tai	Lần	76,000	150,000
DV00001183	Xoa bóp bấm huyệt điều trị giảm khúu giác	Lần	76,000	150,000
DV00001184	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt do bệnh của cơ	Lần	76,000	150,000
DV00001185	Xoa bóp bấm huyệt điều trị tâm căn suy nhược	Lần	76,000	150,000
DV00001186	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng ngoại tháp	Lần	76,000	150,000
DV00001187	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau đầu, đau nửa đầu	Lần	76,000	150,000
DV00001188	Xoa bóp bấm huyệt điều trị mất ngủ	Lần	76,000	150,000
DV00001189	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng stress	Lần	76,000	150,000
DV00001190	Xoa bóp bấm huyệt điều trị thiếu năng tuần hoàn não mạn tính	Lần	76,000	150,000
DV00001191	Xoa bóp bấm huyệt điều trị tổn thương rễ, đám rối và dây thần kinh	Lần	76,000	150,000
DV00001192	Xoa bóp bấm huyệt điều trị tổn thương dây thần kinh V	Lần	76,000	150,000
DV00001193	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt dây thần kinh số VII ngoại biên	Lần	76,000	150,000
DV00001194	Xoa bóp bấm huyệt điều trị sụp mí	Lần	76,000	150,000
DV00001195	Xoa bóp bấm huyệt điều trị viêm thần kinh thị giác sau giai đoạn cấp	Lần	76,000	150,000
DV00001196	Xoa bóp bấm huyệt điều trị lác cơ năng	Lần	76,000	150,000
DV00001197	Xoa bóp bấm huyệt điều trị giảm thị lực	Lần	76,000	150,000
DV00001198	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng tiền đình	Lần	76,000	150,000
DV00001199	Xoa bóp bấm huyệt điều trị giảm thính lực	Lần	76,000	150,000
DV00001200	Xoa bóp bấm huyệt điều trị viêm mũi xoang	Lần	76,000	150,000
DV00001201	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hen phế quản	Lần	76,000	150,000
DV00001202	Xoa bóp bấm huyệt hỗ trợ điều trị tăng huyết áp	Lần	76,000	150,000
DV00001203	Xoa bóp bấm huyệt điều trị huyết áp thấp	Lần	76,000	150,000
DV00001204	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau thần kinh liên sườn	Lần	76,000	150,000
DV00001205	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng da dày- tá tràng	Lần	76,000	150,000
DV00001206	Xoa bóp bấm huyệt điều trị nấc	Lần	76,000	150,000
DV00001207	Xoa bóp bấm huyệt điều trị viêm khớp dạng thấp	Lần	76,000	150,000
DV00001208	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau do thoái hóa khớp	Lần	76,000	150,000
DV00001209	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau lưng	Lần	76,000	150,000
DV00001210	Xoa bóp bấm huyệt điều trị viêm quanh khớp vai	Lần	76,000	150,000
DV00001211	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng vai gáy	Lần	76,000	150,000
DV00001212	Xoa bóp bấm huyệt điều trị chứng tic cơ mặt	Lần	76,000	150,000
DV00001213	Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn cảm giác đầu chi	Lần	76,000	150,000
DV00001214	Xoa bóp bấm huyệt điều trị tắc tia sữa	Lần	76,000	150,000
DV00001215	Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn kinh nguyệt	Lần	76,000	150,000

DV00001216	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau bụng kinh	Lần	76,000	150,000
DV00001217	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng tiền mãn kinh	Lần	76,000	150,000
DV00001218	Xoa bóp bấm huyệt điều trị táo bón	Lần	76,000	150,000
DV00001219	Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn tiêu hóa	Lần	76,000	150,000
DV00001220	Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn cảm giác nông	Lần	76,000	150,000
DV00001221	Xoa bóp bấm huyệt điều trị bí đái cơ năng	Lần	76,000	150,000
DV00001222	Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn thần kinh thực vật	Lần	76,000	150,000
DV00001223	Xoa bóp bấm huyệt điều trị béo phì	Lần	76,000	150,000
DV00001224	Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn chức năng vận động do chấn thương sọ não	Lần	76,000	150,000
DV00001225	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt tứ chi do chấn thương cột sống	Lần	76,000	150,000
DV00001226	Xoa bóp bấm huyệt điều trị giảm đau sau phẫu thuật	Lần	76,000	150,000
DV00001227	Xoa bóp bấm huyệt điều trị giảm đau do ung thư	Lần	76,000	150,000
DV00001228	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đái dầm	Lần	76,000	150,000
DV00001229	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng phân ly	Lần	76,000	150,000
DV00001230	Cứu điều trị hội chứng thắt lưng- hông thể phong hàn	Lần	37,000	100,000
DV00001231	Cứu điều trị đau đầu, đau nửa đầu thể hàn	Lần	37,000	60,000
DV00001232	Cứu điều trị nấc thể hàn	Lần	37,000	60,000
DV00001233	Cứu điều trị ngoại cảm phong hàn	Lần	37,000	60,000
DV00001234	Cứu điều trị khản tiếng thể hàn	Lần	37,000	60,000
DV00001235	Cứu điều trị rối loạn cảm giác đầu chi thể hàn	Lần	37,000	60,000
DV00001236	Cứu điều trị liệt chi trên thể hàn	Lần	37,000	60,000
DV00001237	Cứu điều trị liệt chi dưới thể hàn	Lần	37,000	60,000
DV00001238	Cứu điều trị liệt nửa người thể hàn	Lần	37,000	60,000
DV00001239	Cứu điều trị liệt dây thần kinh số VII ngoại biên thể hàn	Lần	37,000	60,000
DV00001240	Cứu điều trị đau vai gáy cấp thể hàn	Lần	37,000	60,000
DV00001241	Cứu điều trị giảm thính lực thể hàn	Lần	37,000	60,000
DV00001242	Cứu điều trị chậm phát triển trí tuệ ở trẻ bại não	Lần	37,000	60,000
DV00001243	Cứu điều trị di tinh thể hàn	Lần	37,000	60,000
DV00001244	Cứu điều trị liệt dương thể hàn	Lần	37,000	60,000
DV00001245	Cứu điều trị rối loạn tiêu tiện thể hàn	Lần	-	60,000
DV00001246	Cứu điều trị bí đái thể hàn	Lần	37,000	60,000
DV00001247	Cứu điều trị sa tử cung thể hàn	Lần	37,000	60,000
DV00001248	Cứu điều trị đau bụng kinh thể hàn	Lần	37,000	60,000
DV00001249	Cứu điều trị rối loạn kinh nguyệt thể hàn	Lần	37,000	60,000
DV00001250	Cứu điều trị đái dầm thể hàn	Lần	37,000	60,000
DV00001251	Cứu điều trị đau lưng thể hàn	Lần	37,000	100,000
DV00001252	Cứu điều trị giảm khứu giác thể hàn	Lần	37,000	60,000
DV00001253	Cứu điều trị rối loạn thần kinh thực vật thể hàn	Lần	37,000	60,000
DV00001254	Cứu điều trị cảm cúm thể hàn	Lần	37,000	60,000
DV00001255	Cứu điều trị rối loạn tiêu hóa thể hàn	Lần	37,000	60,000
DV00001256	Giác hơi điều trị ngoại cảm phong hàn	Lần	36,700	36,700
DV00001257	Giác hơi điều trị ngoại cảm phong nhiệt	Lần	36,700	36,700
DV00001258	Giác hơi điều trị các chứng đau	Lần	36,700	36,700
DV00001259	Giác hơi điều trị cảm cúm	Lần	36,700	36,700
DV00001260	Xoa bóp bấm huyệt bằng tay	Lần	-	150,000
DV00001261	Xoa bóp bấm huyệt bằng máy	Lần	-	39,000
DV00001262	Giác hơi	Lần	36,700	36,700
DV00001263	Nắn bó trật khớp bằng phương pháp YHCT	Lần	-	100,000
DV00001264	Điều trị bằng sóng ngắn	Lần	41,100	41,100
DV00001265	Điều trị bằng sóng cực ngắn	Lần	41,100	100,000
DV00001266	Điều trị bằng từ trường	Lần	41,900	80,000
DV00001267	Điều trị bằng dòng điện một chiều đều	Lần	-	100,000
DV00001268	Điều trị bằng điện phân dẫn thuốc	Lần	48,900	100,000
DV00001269	Điều trị bằng các dòng điện xung	Lần	44,900	44,900
DV00001271	Điều trị bằng sóng xung kích	Lần	71,200	71,200

DV00001272	Điều trị bằng dòng giao thoa	Lần	30,800	30,800
DV00001273	Điều trị bằng tia hồng ngoại	Lần	40,900	40,900
DV00001274	Điều trị bằng Laser công suất thấp	Lần	52,100	52,100
DV00001275	Điều trị bằng nhiệt nóng (chườm nóng)	Lần	-	70,000
DV00001276	Điều trị bằng nhiệt lạnh (chườm lạnh)	Lần	-	70,000
DV00001277	Điều trị bằng Parafin	Lần	46,000	46,000
DV00001278	Điều trị bằng oxy cao áp	Lần	285,400	350,000
DV00001280	Điều trị bằng máy kéo giãn cột sống	Lần	50,800	50,800
DV00001281	Tập nằm đúng tư thế cho người bệnh liệt nửa người	Lần	-	200,000
DV00001282	Kỹ thuật đặt tư thế đúng cho người bệnh liệt tùy	Lần	-	200,000
DV00001283	Kỹ thuật tập tay và bàn tay cho người bệnh liệt nửa người	Lần	51,800	100,000
DV00001284	Kỹ thuật tập đứng và đi cho người bệnh liệt nửa người	Lần	59,300	100,000
DV00001285	Tập lần trở khi nằm	Lần	-	200,000
DV00001286	Tập thay đổi tư thế từ nằm sang ngồi	Lần	-	200,000
DV00001287	Tập ngồi thẳng bằng tĩnh và động	Lần	59,300	100,000
DV00001288	Tập thay đổi tư thế từ ngồi sang đứng	Lần	-	200,000
DV00001289	Tập đứng thẳng bằng tĩnh và động	Lần	59,300	100,000
DV00001290	Tập dáng đi	Lần	-	200,000
DV00001291	Tập đi với thanh song song	Lần	33,400	100,000
DV00001292	Tập đi với khung tập đi	Lần	-	100,000
DV00001293	Tập đi với nạng (nạng nách, nạng khuỷu)	Lần	-	100,000
DV00001294	Tập đi với gậy	Lần	-	100,000
DV00001295	Tập đi với bàn xương cá	Lần	-	100,000
DV00001296	Tập đi trên máy thảm lăn (Treadmill)	Lần	-	100,000
DV00001297	Tập lên, xuống cầu thang	Lần	-	100,000
DV00001298	Tập đi trên các địa hình khác nhau (độc, sỏi, gỗ ghề...)	Lần	-	100,000
DV00001299	Tập đi với chân giả trên gối	Lần	-	150,000
DV00001300	Tập đi với chân giả dưới gối	Lần	-	150,000
DV00001301	Tập đi với khung treo	Lần	-	100,000
DV00001302	Tập vận động thụ động	Lần	59,300	100,000
DV00001303	Tập vận động có trợ giúp	Lần	59,300	100,000
DV00001304	Tập vận động chủ động	Lần	-	200,000
DV00001305	Tập vận động tự do tứ chi	Lần	-	200,000
DV00001306	Tập vận động có kháng trở	Lần	59,300	100,000
DV00001307	Tập kéo dãn	Lần	-	200,000
DV00001308	Tập vận động trên bóng	Lần	-	100,000
DV00001309	Tập trong bốn bóng nhỏ	Lần	-	100,000
DV00001310	Tập tạo thuận thần kinh cơ cảm thụ bản thể (PNF) chi trên	Lần	-	200,000
DV00001311	Tập tạo thuận thần kinh cơ cảm thụ bản thể (PNF) chi dưới	Lần	-	200,000
DV00001312	Tập tạo thuận thần kinh cơ cảm thụ bản thể chức năng	Lần	-	100,000
DV00001313	Tập với thang tường	Lần	-	100,000
DV00001314	Tập với giàn treo các chi	Lần	-	100,000
DV00001315	Tập với ròng rọc	Lần	-	100,000
DV00001316	Tập với dụng cụ quay khớp vai	Lần	-	100,000
DV00001317	Tập với dụng cụ chèo thuyền	Lần	-	100,000
DV00001318	Tập thẳng bằng với bàn bập bênh	Lần	-	100,000
DV00001319	Tập với máy tập thẳng bằng	Lần	-	150,000
DV00001320	Tập với ghế tập mạnh cơ Tứ đầu đùi	Lần	-	100,000
DV00001321	Tập với xe đạp tập	Lần	-	100,000
DV00001322	Tập với bàn nghiêng	Lần	-	100,000
DV00001323	Tập các kiểu thở	Lần	32,900	100,000
DV00001324	Tập thở bằng dụng cụ (bong, spirometer...)	Lần	-	200,000
DV00001325	Tập ho có trợ giúp	Lần	32,900	100,000
DV00001326	Kỹ thuật vỗ rung lồng ngực	Lần	-	200,000
DV00001327	Kỹ thuật dẫn lưu tư thế	Lần	-	200,000
DV00001328	Kỹ thuật kéo nắn trị liệu	Lần	-	100,000

DV00001329	Kỹ thuật di động khớp	Lần	-	200,000
DV00001330	Kỹ thuật di động mô mềm	Lần	-	200,000
DV00001331	Kỹ thuật tập chuỗi đóng và chuỗi mở	Lần	-	200,000
DV00001332	Kỹ thuật ức chế co cứng tay	Lần	-	200,000
DV00001333	Kỹ thuật ức chế co cứng chân	Lần	-	200,000
DV00001334	Kỹ thuật ức chế co cứng thân mình	Lần	-	200,000
DV00001335	Kỹ thuật xoa bóp vùng	Lần	51,300	100,000
DV00001336	Kỹ thuật xoa bóp toàn thân	Lần	64,900	500,000
DV00001337	Kỹ thuật Frenkel	Lần	-	200,000
DV00001338	Kỹ thuật ức chế và phá vỡ các phản xạ bệnh lý	Lần	-	200,000
DV00001339	Kỹ thuật kiểm soát đầu, cổ và thân mình	Lần	-	200,000
DV00001340	Tập điều hợp vận động	Lần	59,300	100,000
DV00001341	Tập mạnh cơ đáy chậu (cơ sàn chậu, Pelvis floor)	Lần	-	318,700
DV00001342	Kỹ thuật tập sử dụng và điều khiển xe lăn	Lần	-	33,400
DV00001343	Kỹ thuật hướng dẫn người liệt hai chân ra vào xe lăn	Lần	-	100,000
DV00001344	Kỹ thuật hướng dẫn người liệt nửa người ra vào xe lăn	Lần	-	100,000
DV00001345	Tập các vận động thô của bàn tay	Lần	-	100,000
DV00001346	Tập các vận động khéo léo của bàn tay	Lần	-	100,000
DV00001347	Tập phối hợp hai tay	Lần	-	100,000
DV00001348	Tập phối hợp tay mắt	Lần	-	100,000
DV00001349	Tập phối hợp tay miệng	Lần	-	100,000
DV00001350	Tập các chức năng sinh hoạt hàng ngày (ADL) (ăn uống, tắm rửa, vệ sinh, vui chơi giải trí...)	Lần	-	100,000
DV00001351	Tập điều hòa cảm giác	Lần	-	100,000
DV00001352	Tập tri giác và nhận thức	Lần	51,400	100,000
DV00001353	Tập các chức năng sinh hoạt hàng ngày ADL với các dụng cụ trợ giúp thích nghi	Lần	-	100,000
DV00001354	Tập nuốt	Lần	144,700	144,700
DV00001355	Tập nói	Lần	-	120,000
DV00001356	Tập nhai	Lần	-	120,000
DV00001357	Tập phát âm	Lần	-	120,000
DV00001358	Tập giao tiếp (ngôn ngữ ký hiệu, hình ảnh...)	Lần	-	100,000
DV00001359	Tập cho người thất ngôn	Lần	-	100,000
DV00001360	Tập luyện giọng	Lần	-	120,000
DV00001361	Tập sửa lỗi phát âm	Lần	124,000	124,000
DV00001362	Lượng giá chức năng người khuyết tật	Lần	-	100,000
DV00001363	Lượng giá chức năng tìm mạch	Lần	-	100,000
DV00001364	Lượng giá chức năng hô hấp	Lần	-	100,000
DV00001365	Lượng giá chức năng tâm lý	Lần	-	100,000
DV00001366	Lượng giá chức năng tri giác và nhận thức	Lần	-	100,000
DV00001367	Lượng giá chức năng ngôn ngữ	Lần	-	100,000
DV00001368	Lượng giá chức năng dáng đi	Lần	-	100,000
DV00001369	Lượng giá chức năng thăng bằng	Lần	-	100,000
DV00001370	Lượng giá chức năng sinh hoạt hàng ngày	Lần	-	100,000
DV00001371	Lượng giá lao động hướng nghiệp	Lần	-	100,000
DV00001372	Thử cơ bằng tay	Lần	-	100,000
DV00001373	Đo tầm vận động khớp	Lần	-	100,000
DV00001374	Đo áp lực bằng quang bằng cột thước nước	Lần	552,000	100,000
DV00001375	Lượng giá sự phát triển của trẻ theo nhóm tuổi	Lần	-	100,000
DV00001376	Lượng giá sự phát triển của trẻ bằng Test Denver	Lần	-	100,000
DV00001377	Kỹ thuật thông tiêu ngắt quãng trong phục hồi chức năng tùy sống	Lần	162,700	162,700
DV00001378	Kỹ thuật tập đường ruột cho người bệnh tổn thương tùy sống	Lần	-	209,000
DV00001379	Kỹ thuật can thiệp rối loạn đại tiện bằng phản hồi sinh học (Biofeedback)	Lần	-	1,000,000
DV00001380	Kỹ thuật điều trị bàn chân khoèo bẩm sinh theo phương pháp Ponsetti	Lần	257,000	1,000,000
DV00001381	Kỹ thuật băng nẹp bảo vệ bàn tay chức năng (trong liệt tứ chi)	Lần	-	100,000
DV00001382	Kỹ thuật bó bột Hip Spica Cast điều trị trật khớp háng bẩm sinh	Lần	749,600	2,000,000

DV00001383	Kỹ thuật băng chun móm cụt chi trên	Lần	-	72,000
DV00001384	Kỹ thuật băng chun móm cụt chi dưới	Lần	-	72,000
DV00001385	Kỹ thuật sử dụng tay giả trên khuỷu	Lần	-	100,000
DV00001386	Kỹ thuật sử dụng tay giả dưới khuỷu	Lần	-	100,000
DV00001387	Kỹ thuật sử dụng nẹp dạng khớp háng (SWASH)	Lần	-	100,000
DV00001388	Kỹ thuật sử dụng chân giả tháo khớp háng	Lần	-	100,000
DV00001389	Kỹ thuật sử dụng chân giả trên gối	Lần	-	100,000
DV00001390	Kỹ thuật sử dụng chân giả dưới gối	Lần	-	100,000
DV00001391	Kỹ thuật sử dụng áo nẹp chỉnh hình cột sống ngực- thắt lưng TLSO (điều trị cong vẹo cột sống)	Lần	59,300	100,000
DV00001392	Kỹ thuật sử dụng áo nẹp chỉnh hình cột sống thắt lưng LSO (điều trị cong vẹo cột sống)	Lần	-	100,000
DV00001393	Kỹ thuật sử dụng nẹp cổ bàn tay WHO	Lần	59,300	100,000
DV00001394	Kỹ thuật sử dụng nẹp trên gối có khớp háng HKAFO	Lần	59,300	100,000
DV00001395	Kỹ thuật sử dụng nẹp gối cổ bàn chân KAFO	Lần	59,300	100,000
DV00001396	Kỹ thuật sử dụng nẹp cổ bàn chân AFO	Lần	59,300	100,000
DV00001397	Kỹ thuật sử dụng nẹp bàn chân FO	Lần	59,300	100,000
DV00001398	Kỹ thuật sử dụng giày dép cho người bệnh phong	Lần	-	100,000
DV00001399	Kỹ thuật sử dụng áo nẹp cột sống thắt lưng cứng	Lần	-	100,000
DV00001400	Kỹ thuật sử dụng áo nẹp cột sống thắt lưng mềm	Lần	-	100,000
DV00001401	Điều trị bằng Laser công suất thấp vào điểm vận động và huyết đạo	Lần	52,100	100,000
DV00001402	Điều trị bằng Laser công suất thấp nội mạch	Lần	58,400	100,000
DV00001403	Điều trị chườm ngải cứu	Lần	37,000	100,000
DV00001404	Thủy trị liệu có thuốc	Lần	-	68,900
DV00001405	Thủy trị liệu cho người bệnh sau bóng	Lần	-	80,000
DV00001406	Tập vận động cột sống	Lần	-	200,000
DV00001407	Kỹ thuật xoa bóp bằng máy	Lần	-	39,000
DV00001408	Kỹ thuật xoa bóp dẫn lưu	Lần	-	120,000
DV00001409	Kỹ thuật kiểm soát tư thế (ngồi, bò, đứng, đi)	Lần	-	200,000
DV00001410	Kỹ thuật tạo thuận vận động cho trẻ (lấy, ngồi, bò, đứng, đi)	Lần	-	200,000
DV00001411	Tập dưỡng sinh	Lần	-	200,000
DV00001412	Kỹ thuật tập vận động trên hệ thống người máy (Robot) ZEPU-A11	Lần	-	650,000
DV00001413	Kỹ thuật tập vận động trên hệ thống người máy (Robot) ZEPU-X8	Lần	-	270,000
DV00001414	Kỹ thuật tập vận động trên hệ thống người máy (Robot) ZEPU-A12	Lần	-	400,000
DV00001415	Kỹ thuật tập vận động trên hệ thống người máy (Robot) ZEPU-A14	Lần	-	450,000
DV00001416	Kỹ thuật tập vận động trên hệ thống người máy (Robot) Tập máy khác	Lần	-	100,000
DV00001417	Kỹ thuật tập vận động trên máy chức năng	Lần	-	200,000
DV00001418	Kỹ thuật tập vận động cho trẻ xơ hóa cơ	Lần	-	200,000
DV00001419	Kỹ thuật tập vận động cho trẻ bị biến dạng cột sống (cong vẹo, gù, ưỡn)	Lần	-	200,000
DV00001420	Kỹ thuật hỗ trợ tăng tốc thì thở ra ở trẻ nhỏ	Lần	-	200,000
DV00001421	Kỹ thuật kiểm soát tư thế hội chứng sợ sau ngã	Lần	-	200,000
DV00001422	Kỹ thuật ngồi, đứng dậy từ sàn nhà	Lần	-	200,000
DV00001423	Kỹ thuật tập sức bền có gắn máy theo dõi tim mạch	Lần	-	200,000
DV00001424	Kỹ thuật tập sức bền không có gắn máy theo dõi tim mạch	Lần	-	200,000
DV00001425	Kỹ thuật thư giãn	Lần	-	200,000
DV00001426	Kỹ thuật tập sức mạnh cơ bằng phản hồi sinh học (Biofeedback)	Lần	-	200,000
DV00001427	Kỹ thuật tập sức mạnh cơ với máy Isokinetic	Lần	-	200,000
DV00001428	Kỹ thuật tập đi trên thảm lăn (Treadmill) với nâng đỡ một phần trọng lượng	Lần	-	100,000
DV00001429	Kỹ thuật tập bắt buộc bên liệt (CIMT)	Lần	-	100,000
DV00001430	Kỹ thuật gương trị liệu (Miror therapy)	Lần	-	100,000
DV00001431	Kỹ thuật áp dụng phân tích hành vi (ABA)	Lần	-	60,000
DV00001432	Kỹ thuật kích thích giao tiếp sớm cho trẻ nhỏ	Lần	-	60,000
DV00001433	Kỹ thuật dạy trẻ hiểu và diễn tả bằng ngôn ngữ	Lần	-	60,000
DV00001434	Kỹ thuật vận động môi miệng chuẩn bị cho trẻ tập nói	Lần	-	60,000
DV00001435	Kỹ thuật kiểm soát cơ hàm mặt và hoạt động nhai, nuốt	Lần	-	60,000
DV00001436	Chẩn đoán điện thần kinh cơ	Lần	-	100,000

DV00001437	Lượng giá sự phát triển của trẻ theo nhóm tuổi bằng kỹ thuật ASQ	Lần	-	100,000
DV00001438	Lượng giá kỹ năng ngôn ngữ-giao tiếp ở trẻ em	Lần	-	100,000
DV00001439	Lượng giá kỹ năng vận động tinh và kỹ năng sinh hoạt hàng ngày ở trẻ em	Lần	-	100,000
DV00001440	Lượng giá trẻ tự kỷ theo tiêu chuẩn DSM-IV	Lần	-	100,000
DV00001441	Lượng giá trẻ tự kỷ bằng thang điểm CARS	Lần	-	100,000
DV00001442	Kỹ thuật sàng lọc trẻ tự kỷ bằng bảng kiểm M-CHAT	Lần	-	100,000
DV00001443	Lượng giá kỹ năng vận động thô theo thang điểm GMFM	Lần	-	100,000
DV00001444	Lượng giá kỹ năng vận động trẻ bại não theo thang điểm GMFCS	Lần	-	100,000
DV00001445	Lượng giá mức độ co cứng bằng thang điểm Ashworth (MAS)	Lần	-	100,000
DV00001446	Lượng giá tâm trí tối thiểu MMSE cho người cao tuổi	Lần	-	100,000
DV00001447	Nghiệm pháp đi 6 phút	Lần	-	100,000
DV00001448	Nghiệm pháp vận động toàn bộ Rickili	Lần	-	100,000
DV00001449	Nghiệm pháp Tinetti	Lần	-	100,000
DV00001450	Nghiệm pháp đo thời gian đứng dậy và đi	Lần	-	100,000
DV00001451	Nghiệm pháp dừng bước khi vừa đi vừa nói	Lần	-	100,000
DV00001452	Kỹ thuật tư vấn tâm lý cho người bệnh hoặc người nhà	Lần	-	100,000
DV00001453	Kỹ thuật can thiệp rối loạn tiểu tiện bằng phản hồi sinh học (Biofeedback)	Lần	-	50,000
DV00001454	Kỹ thuật thông mũi họng ngược dòng ở trẻ em	Lần	-	50,000
DV00001455	Chăm sóc điều trị loét do đè ép độ I, độ II	Lần	-	200,000
DV00001456	Chăm sóc điều trị loét do đè ép độ III	Lần	-	200,000
DV00001457	Chăm sóc điều trị loét do đè ép độ IV	Lần	-	200,000
DV00001458	Kỹ thuật hút áp lực âm điều trị loét do đè ép hoặc vết thương	Lần	-	4,000,000
DV00001459	Kỹ thuật điều trị sẹo bỏng bằng gel Silicol	Lần	-	4,959,000
DV00001460	Kỹ thuật điều trị sẹo bỏng bằng băng thun áp lực kết hợp gel Silicol	Lần	-	4,959,000
DV00001461	Kỹ thuật điều trị sẹo bỏng bằng quần áo áp lực kết hợp thuốc làm mềm sẹo	Lần	-	4,959,000
DV00001462	Kỹ thuật điều trị sẹo lồi bằng tiêm Corticoid trong sẹo, dưới sẹo	Lần	-	1,500,000
DV00001463	Kỹ thuật sử dụng giày, nẹp chỉnh hình điều trị các dị tật bàn chân (bàn chân bẹt, bàn chân lõm, bàn chân vẹo trong, bàn chân vẹo ngoài...)	Lần	-	100,000
DV00001464	Kỹ thuật sử dụng giày, nẹp chỉnh hình điều trị bệnh lý bàn chân của người bệnh đái tháo đường (tiểu đường)	Lần	-	100,000
DV00001465	Kỹ thuật sử dụng nẹp chỉnh hình tư thế cổ cho bệnh nhân sau bông	Lần	-	100,000
DV00001466	Kỹ thuật sử dụng nẹp chỉnh hình tư thế chân, tay cho bệnh nhân sau bông	Lần	-	100,000
DV00001467	Kéo nắn, kéo dẫn cột sống, các khớp	Lần	-	50,000
DV00001468	Tập do cứng khớp	Lần	-	200,000
DV00001469	Tập vận động với các dụng cụ trợ giúp	Lần	-	100,000
DV00001470	Xoa bóp áp lực hơi	Lần	-	32,900
DV00001561	Nghiệm pháp dây thắt	Lần	-	50,000
DV00001573	Nghiệm pháp dây thắt	Lần	-	50,000
TTHDV001900	Cắt chỉ khâu da (áp dụng cho BN mổ ngoại viện)	Lần	-	40,300
TTHDV001902	Chích áp xe nhỏ vùng đầu cổ	Lần	-	1,000,000
TTHDV001903	Chích rạch áp xe nhỏ	Lần	-	1,000,000
TTHDV001930	Khâu vết thương đơn giản vùng đầu, mặt, cổ (Khâu vết thương phần mềm tổn thương nông chiều dài < 10 cm)	Lần	-	1,327,862
TTHDV001931	Khâu vết thương đơn giản vùng đầu, mặt, cổ (Khâu vết thương phần mềm tổn thương sâu chiều dài < 10 cm)	Lần	-	2,024,070
TTHDV001932	Khâu vết thương phần mềm tổn thương nông chiều dài ≥ 10 cm	Lần	-	1,229,580
TTHDV001933	Khâu vết thương phần mềm tổn thương sâu chiều dài ≥ 10 cm	Lần	-	1,946,910
TTHDV001934	Lấy dị vật tại ngoài đơn giản	Lần	-	187,938
TTHDV001856	Tiêm nội khớp/ tiêm bắm gân bằng thuốc chống viêm (depo medrol/ dipropan) (không bao gồm khớp háng, khớp cùng chậu)	Lần	-	343,898
TTHDV001857	Tiêm khớp háng/ khớp cùng chậu bằng thuốc chống viêm (depo medrol/ dipropan)	Lần	-	450,000
TTHDV001858	Tiêm nội khớp/ tiêm bắm gân bằng thuốc chống viêm (depo medrol/ dipropan) (không bao gồm khớp háng, khớp cùng chậu) dưới hướng dẫn siêu âm	Lần	-	602,888
TTHDV001859	Tiêm khớp háng/ khớp cùng chậu bằng thuốc chống viêm (depo medrol/ dipropan) dưới hướng dẫn siêu âm	Lần	-	815,000

TTHDV001860	Tiêm khớp (đã bao gồm thuốc tiêm Ostenil)	Lần	-	2,295,000
TTHDV001861	Tiêm khớp (đã bao gồm thuốc tiêm Ostenil plus)	Lần	-	7,500,000
TTHDV001862	Tiêm khớp dưới hướng dẫn siêu âm (đã bao gồm thuốc tiêm Ostenil)	Lần	-	2,500,000
TTHDV001863	Tiêm khớp dưới hướng dẫn siêu âm (đã bao gồm thuốc tiêm Ostenil plus)	Lần	-	8,795,000
DV00001278G1	Điều trị bằng oxy cao áp vinimam 3	Lần	-	4,000,000
DV00000050	Mở khí quản cấp cứu	Lần	759,800	759,800
DV00001699	Giường Nội khoa loại 3 Hạng III - Khoa Y học cổ truyền (Phòng tiêu chuẩn 2 giường)	Lần	169,200	639,200
DV00001714	Giường Nội khoa loại 3 Hạng III - Khoa Y học cổ truyền (Phòng tiêu chuẩn 2 giường bao phòng)	Lần	169,200	1,169,200
TTHDV0002028	Giường Nội khoa loại 3 Hạng III - Khoa Y học cổ truyền (Phòng 3 giường)(Dịch vụ)	Lần	-	620,000
DV00001715	Giường Nội khoa loại 2 hạng III - Khoa Y học cổ truyền cho nhóm người bệnh tổn thương tủy sống, tai biến mạch máu não, chấn thương sọ não (Phòng tiêu chuẩn - 02 giường bao phòng)	Lần	211,000	1,211,000
DV00001700	Giường Nội khoa loại 3 Hạng III - Khoa Y học cổ truyền (Phòng 3 giường)	Lần	169,200	539,200
DV00001716	Phòng điều trị tiêu chuẩn - 02 giường (Bao phòng)	Lần	-	1,300,000
DV00001701	Giường Nội khoa loại 3 Hạng III - Khoa Y học cổ truyền (Phòng 4 giường)	Lần	169,200	469,200
DV00001702	Giường Nội khoa loại 3 Hạng III - Khoa Y học cổ truyền (Phòng 5 giường trở lên, Không bao gồm ghế người nhà.)	Lần	169,200	169,200
DV00001703	Giường YHCT ban ngày Nội khoa loại 3 Hạng III - Khoa Y học cổ truyền (Phòng yêu cầu 2 giường)	Lần	50,760	331,580
DV00001704	Giường YHCT ban ngày Nội khoa loại 3 Hạng III - Khoa Y học cổ truyền (Phòng tiêu chuẩn 2 giường)	Lần	50,760	621,580
DV00001705	Giường YHCT ban ngày Nội khoa loại 3 Hạng III - Khoa Y học cổ truyền (Phòng 3 giường)	Lần	50,760	291,580
DV00001706	Giường YHCT ban ngày Nội khoa loại 3 Hạng III - Khoa Y học cổ truyền (Phòng 4 giường)	Lần	50,760	86,330
DV00001707	Giường YHCT ban ngày Nội khoa loại 3 Hạng III - Khoa Y học cổ truyền (Phòng 5 giường trở lên, Không bao gồm ghế người nhà.)	Lần	50,760	50,760
DV00001708	Giường Nội khoa loại 2 hạng III - Khoa Y học cổ truyền cho nhóm người bệnh tổn thương tủy sống, tai biến mạch máu não, chấn thương sọ não	Lần	211,000	681,000
DV00001709	Giường Nội khoa loại 2 hạng III - Khoa Y học cổ truyền cho nhóm người bệnh tổn thương tủy sống, tai biến mạch máu não, chấn thương sọ não (Phòng tiêu chuẩn - 02 giường)	Lần	211,000	681,000
DV00001710	Giường Nội khoa loại 2 hạng III - Khoa Y học cổ truyền cho nhóm người bệnh tổn thương tủy sống, tai biến mạch máu não, chấn thương sọ não(Phòng tiêu chuẩn - 03 giường).	Lần	211,000	581,000
DV00001711	Giường Nội khoa loại 2 hạng III - Khoa Y học cổ truyền cho nhóm người bệnh tổn thương tủy sống, tai biến mạch máu não, chấn thương sọ não(Phòng tiêu chuẩn - 04 giường)	Lần	211,000	511,000
DV00001712	Giường Nội khoa loại 2 hạng III - Khoa Y học cổ truyền cho nhóm người bệnh tổn thương tủy sống, tai biến mạch máu não, chấn thương sọ não(Phòng 5 giường trở lên, Không bao gồm ghế người nhà.)	Lần	211,000	211,000
DV00001695	Phòng điều trị tiêu chuẩn - 02 giường	Lần	-	770,000
DV00001696	Phòng điều trị tiêu chuẩn - 03 giường	Lần	-	620,000
DV00001697	Phòng điều trị tiêu chuẩn - 04 giường	Lần	-	500,000
DV00001800	Gói chăm sóc toàn diện cơ bản 4h/ngày trong giờ hành chính	Gói	-	200,000
DV00000091	Vệ sinh răng miệng đặc biệt (một lần)	Lần	-	100,000
CB00000001	Gói 10 buổi oxy cao áp mã 01	Lần	-	3,500,000
DV.99.00393	Đền bù cốc thủy tinh TTH	Lần	-	60,000
DV00001801	Gói chăm sóc toàn diện cơ bản 8h/ngày trong giờ hành chính	Gói	-	300,000
CB00000002	Gói 10 buổi oxy cao áp mã 02	Lần	-	3,500,000
DV00000092	Gói đầu cho người bệnh tại giường	Lần	-	150,000
DV.99.00394	Đền bù đồ vải (áo hoặc quần hoặc váy)	Lần	-	200,000

DV00001802	Gói chăm sóc toàn diện cơ bản 8h/ngày ngoài giờ hành chính	Gói	-	500,000
CB00000003	Gói 20 buổi oxy cao áp mã 01	Lần	-	7,000,000
DV.99.00395	Đền bù đồ vải (Chăn)	Lần	-	500,000
DV00001803	Gói chăm sóc toàn diện cơ bản 24h/ngày	Gói	-	800,000
CB00000004	Gói 20 buổi oxy cao áp mã 02	Lần	-	7,000,000
DV00000223	Hướng dẫn người bệnh sử dụng bình hít định liều	Lần	-	50,000
DV.99.00396	Đền bù đồ vải (Ga trải giường)	Lần	-	200,000
DV00001804	Gói chăm sóc toàn diện đặc biệt 4h/ngày trong giờ hành chính	Gói	-	400,000
CB00000005	Gói 30 buổi oxy cao áp mã 01	Lần	-	10,500,000
DV00000224	Hướng dẫn người bệnh sử dụng bình xịt định liều	Lần	-	50,000
DV.99.00397	Đền bù đồ vải (Gối)	Lần	-	200,000
DV00001805	Gói chăm sóc toàn diện đặc biệt 8h/ngày trong giờ hành chính	Gói	-	600,000
CB00000006	Gói 30 buổi oxy cao áp mã 02	Lần	-	10,500,000
DV.99.00398	Đền bù đồ vải (Khăn VIP nhỏ)	Lần	-	20,000
DV00001806	Gói chăm sóc toàn diện đặc biệt 8h/ngày ngoài giờ hành chính	Gói	-	1,000,000
CB00000007	Gói 40 buổi oxy cao áp mã 01	Lần	-	14,000,000
DV.99.00399	Đền bù đồ vải (Khăn VIP Vừa)	Lần	-	60,000
DV00001807	Gói chăm sóc toàn diện đặc biệt 24h/ngày	Gói	-	1,500,000
CB00000008	Gói 40 buổi oxy cao áp mã 02	Lần	-	14,000,000
DV00000262	Gội đầu cho người bệnh tại giường	Lần	-	150,000
DV.99.00400	Đền bù đồ vải (Áo bệnh nhân VIP)	Lần	-	400,000
CB00000009	Gói 50 buổi oxy cao áp mã 01	Lần	-	17,500,000
DV.99.00401	Đền bù đồ vải (vỏ chăn)	Lần	-	300,000
CB00000010	Gói 50 buổi oxy cao áp mã 02	Lần	-	17,500,000
DV.99.00402	Đền bù thẻ chăm sóc người bệnh	Lần	-	60,000
CB00000011	Gói 100 buổi oxy cao áp mã 01	Lần	-	35,000,000
TTHDV001841	Trích sao bệnh án ngoại trú (thường)	Lần	-	60,000
CB00000012	Gói 100 buổi oxy cao áp mã 02	Lần	-	35,000,000
TTHDV001842	Trích sao bệnh án nội trú (thường)	Lần	-	60,000
TTHDV001843	Trích sao bệnh án ngoại trú (lấy ngay)	Lần	-	150,000
TTHDV001844	Trích sao bệnh án nội trú (lấy ngay)	Lần	-	150,000
TTHDV001845	Phí gửi trích sao về địa chỉ	Lần	-	30,000
TTHDV001846	Sổ khám bệnh	Lần	-	5,000
TTHDV001847	Cấp lại giấy ra viện	Lần	-	30,000
TTHDV001848	Cấp lại thẻ người nhà	Lần	-	50,000
TTHDV001849	Cấp lại đồ vải BN (quần/áo)	Lần	-	150,000
TTHDV001850	Phụ phí giường dịch vụ phòng 2 giường	Lần	-	259,400
TTHDV001851	Phụ phí giường dịch vụ phòng 3 giường	Lần	-	219,400
TTHDV001852	Phụ phí bao trọn 3 giường phòng dịch vụ	Lần	-	996,600
TTHDV001853	Phụ phí bao trọn 2 giường phòng dịch vụ	Lần	-	688,000
TTHDV001864	Trích sao phim X-Quang	Lần	-	60,000
TTHDV001865	Ghế đa năng cho người nhà bệnh nhân	Lần	-	30,000
TTHDV001866	Khám chuyên gia (Ban giám đốc)	Lần	-	250,000
TTHDV002000	Tắm cho bệnh nhân cơ bản	Lần	-	150,000
TTHDV002001	Tắm cho bệnh nhân nặng tại giường	Lần	-	350,000
TTHDV002002	Giặt áo khoác	Lần	-	60,000
TTHDV002003	Giặt áo khoác trẻ em	Lần	-	30,000
TTHDV002004	Giặt áo len	Lần	-	30,000
TTHDV002005	Giặt áo sơ mi	Lần	-	30,000
TTHDV002006	Giặt áo thun	Lần	-	20,000
TTHDV002007	Giặt đồ lót	Lần	-	20,000
TTHDV002008	Giặt đồ ngủ	Lần	-	30,000
TTHDV002009	Giặt đồ sơ sinh	Lần	-	20,000
TTHDV002010	Giặt đồ trẻ em	Lần	-	20,000
TTHDV002011	Giặt khăn quàng cổ	Lần	-	20,000
TTHDV002012	Giặt khăn tay	Lần	-	20,000

TTHDV002013	Giặt là - Chăn sơ sinh	Lần	-	20,000
TTHDV002014	Giặt là - Khăn sữa	Lần	-	10,000
TTHDV002015	Giặt là - Khăn tắm	Lần	-	20,000
TTHDV002016	Giặt quần bò (Jean)	Lần	-	40,000
TTHDV002017	Giặt quần soóc	Lần	-	20,000
TTHDV002018	Giặt quần tây	Lần	-	30,000
TTHDV002019	Giặt tất	Lần	-	20,000
TTHDV002020	Giặt váy đầm	Lần	-	40,000
TTHDV002021	Gội đầu bằng dầu gội thảo dược	Lần	-	100,000
TTHDV002022	Gội đầu bằng dầu gội thường- Khoa YHCT	Lần	-	50,000
TTHDV002023	Dịch vụ gội đầu tại giường - Khoa YHCT	Lần	-	100,000